

Tiết 1: **Hoạt động tập thể**

RUNG CHUÔNG VÀNG

Tiết 2: **Hoạt động ngoài giờ lên lớp**

RUNG CHUÔNG VÀNG

Tiết 3: **Tập đọc**

HƠN MỘT NGHÌN NGÀY VÒNG QUANH TRÁI ĐẤT

I. Mục tiêu:

- Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài với giọng tự hào, ca ngợi.
- Hiểu nội dung, ý nghĩa: Ca ngợi Ma-gien-lăng và đoàn thám hiểm đã dũng cảm vượt bao khó khăn, hy sinh, mất mát để hoàn thành sứ mạng lịch sử: khẳng định trái đất hình cầu, phát hiện Thái Bình Dương và những vùng đất mới.
- GDHS ham hiểu biết, thích khám phá thế giới; có ý thức đọc sách tìm hiểu về thế giới

II. Đồ dùng dạy học

- Tranh minh họa bài tập đọc.
- Bảng phụ ghi câu văn cần hướng dẫn luyện đọc

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ

- Gọi hs đọc và trả lời câu hỏi bài Trăng ơi ... từ đâu đến?
- Nêu nội dung: Bài thơ thể hiện tình cảm yêu mến, sự gần gũi của nhà thơ với trăng.
- GV nhận xét
- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

B. Bài mới : 1. *Giới thiệu bài:*

Cho hs quan sát tranh minh họa, nêu nội dung tranh - giới thiệu bài.

2. *Nội dung:*

Hoạt động 1: *Hướng dẫn luyện đọc*

- GV cho 1 HS đọc bài 1 lượt.

-Bài văn chia làm mấy đoạn ?

- GV gọi 6 HS tiếp nối nhau đọc từng đoạn của bài. Hướng dẫn phát âm từ khó : *Xê-vi-la, Ma-gien-lăng, Ma-ta...*
- Gọi HS nối tiếp nhau đọc bài lần 2. Kết hợp giải nghĩa khó : *Ma-tan, sứ mạng.*
- GV đọc toàn bài với giọng chậm rãi, rõ ràng thể hiện cảm hứng ca ngợi Ma-gien-lăng và đoàn thám hiểm.

- HS nối tiếp nhau đọc từng đoạn văn.
- +Đoạn 1: Ngày 20....vùng đất mới.
- + Đoạn 2: vượt Đại Tây Dương...Thái Bình Dương.
- + Đoạn 3: Thái Bình Dương...tinh thần.
- + Đoạn 4: Đoạn đường từ đó...mình làm.
- + Đoạn 5: Những thủy thủ...Tây Ban Nha.
- + Đoạn 6: Chuyến đi đầu tiên...vùng đất mới.
- 6 HS nối tiếp nhau đọc bài. Mỗi HS đọc một đoạn của bài.
- HS luyện đọc ngắt nghỉ , nhấn giọng.
- 6 HS đọc nối tiếp bài lần 2, mỗi HS đọc một đoạn của bài. Cả lớp đọc thầm theo dõi và nhận xét bạn đọc.
- Theo dõi GV đọc mẫu để nắm được giọng đọc bài văn

Hoạt động 2: Tìm hiểu bài

- Yêu cầu 1 hs đọc đoạn 1

+ Ma-gien- lăng thực hiện cuộc thám hiểm với mục đích gì?

Chốt ý 1: Mục đích cuộc thám hiểm

- Yêu cầu hs đọc thầm đoạn 2 và cho biết

+ Mở đầu hành trình đoàn thám hiểm phát hiện ra điều gì?

+ Vì sao Ma-gien-lăng lại đặt tên cho Đại dương mới tìm được là Thái Bình Dương?

Chốt ý 2: Phát hiện ra Thái Bình Dương

-Yêu cầu hs đọc thầm đoạn 3, 4, 5 và thảo luận theo nhóm 2 câu hỏi :

+Đoàn thám hiểm đó gặp những khó khăn gì dọc đường?

+Hạm đội của Ma-gien- lăng đi theo hành trình nào?

Chốt ý 3: Những khó khăn của đoàn thám hiểm

Ý4:Giao tranh với dân đảo Ma- tan, Ma-gien- lăng đó hi sinh

Ý 5: Trở về Tây Ban Nha

- Gọi 1 hs đọc thành tiếng đoạn 6

+ Đoàn thám hiểm đạt những kết quả gì?

Chốt ý 6: Kết quả của đoàn thám hiểm

+Câu chuyện giúp em hiểu điều gì về các nhà thám hiểm?

+ Nêu nội dung của bài.

-HS đọc đoạn 1

-Khám phá con đường trên biển dẫn đến những vùng đất mới.

-HS đọc đoạn 2

- Đoàn thám hiểm phát hiện một eo biển dẫn tới một đại dương mênh mông.

- Vì nơi đây sóng biển yên lặng, hiền hòa.

- HS hoạt động theo nhóm 2 và TLCH

+ Cạn thức ăn, hết nước ngọt thủy thủ đoàn phải uống nước tiểu, ninh nhừ các vật dụng như giày, thắt lưng da để ăn. Mỗi ngày có vài ba người chết phải ném xác xuống biển. Họ phải giao tranh với thổ dân.

+Châu Âu- Đại Tây Dương-châu Mỹ- Thái Bình Dương-châu Á-Ấn Độ Dương- châu Mỹ.

- 1 HS đọc thành tiếng

+ Đoàn thám hiểm khẳng định trái đất hình cầu; phát hiện ra Thái Bình Dương và nhiều vùng đất mới.

+Các nhà thám hiểm rất dũng cảm, dám vượt qua mọi khó khăn để đạt được mục đích đặt ra.

- Ca ngợi Ma-gien-lăng và đoàn thám hiểm đã dũng cảm vượt bao khó khăn, hy sinh, mất mát để hoàn thành sứ mạng lịch sử: khẳng định trái đất hình cầu, phát hiện Thái Bình Dương và những vùng đất mới.

Hoạt động 3: Hướng dẫn luyện đọc diễn cảm

- Gọi 3 hs nối tiếp nhau đọc từng đoạn của bài

- Nêu giọng đọc của bài

-Tổ chức cho hs luyện đọc diễn cảm đoạn 3

+ Treo bảng phụ

- 3 hs đọc mỗi hs 2 đoạn

- Đọc chậm rãi, rõ ràng

- + Đọc mẫu
- + Yêu cầu hs đọc theo cặp
- + Tổ chức cho học sinh thi đọc diễn cảm (nhấn giọng ở các từ: bát ngát, mãi chẳng thấy bờ, cạn, hết sạch, uống nước tiểu, nhìn như giấy và thất lưng da để ăn, và ba người chết, ném.)
- Nhận xét tuyên dương

- HS theo dõi
- Luyện đọc theo cặp
- 3 -> 4 hs thi đọc
- Đọc diễn cảm toàn bài

3. **Củng cố - dặn dò:**

- Nêu nội dung bài tập đọc.
- Câu chuyện giúp em hiểu những gì về các nhà thám hiểm?
- GV nhận xét tiết học.
- Dặn học sinh đọc lại bài và đọc trước bài sau : *Dòng sông mặc áo*.

Tiết 4: **Chính tả** **ĐƯỜNG ĐI SA PA**

I. Mục tiêu

- Nhớ - viết đúng bài chính tả, biết trình bày đúng đoạn văn trích trong bài Đường đi Sa Pa. Viết đúng tên riêng.
- Làm đúng bài tập 2a, 3a
- Giáo dục học sinh ý thức giữ vở sạch viết chữ đẹp; yêu thiên nhiên đất nước

II. Đồ dùng học tập

- Bảng phụ ghi nội dung bài 2a

III. Các hoạt động dạy học :

A. Kiểm tra bài cũ :

- GV đọc cho HS viết bảng con : *trung thành, chung sức, con trai, cái chai, phở trương, chương trình*
- Nhận xét chữ viết của học sinh
- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

B. Bài mới :

1. Giới thiệu bài

2. Nội dung :

Hoạt động 1: Hướng dẫn viết chính tả

a. Tìm hiểu nội dung bài viết:

- Gọi hs đọc thuộc lòng bài chính tả
- + Phong cảnh Sa Pa thay đổi như thế nào?

+ Vì sao Sa Pa được gọi là “ món quà tặng diệu kì” của thiên nhiên?

- Nêu nội dung bài chính tả.

b. Hướng dẫn viết từ khó:

- Yêu cầu hs tìm các từ khó dễ lẫn khi viết.
- Yêu cầu hs đọc và viết các từ vừa tìm được

- 2 hs đọc thuộc lòng thành tiếng
- Phong cảnh Sa Pa thay đổi theo thời gian trong một ngày, thay đổi liên tục: mùa thu, mùa đông, mùa xuân.
- Vì Sa Pa có phong cảnh đẹp và sự thay đổi mùa trong một ngày ở đây thật lạ lùng và hiếm có.
- Sa Pa có phong cảnh đẹp và sự thay đổi mùa trong một ngày ở đây thật lạ lùng và hiếm có
- HS nêu các từ khó trong bài
- HS đọc và viết: *thoắt cái, lá vàng*

roi, khoảnh khắc, mưa tuyết, nông
nàn, hiếm quý

- HS viết bài vào vở
- Đổi chéo vở soát bài

c. Viết chính tả

- YC học sinh nhớ - viết

d. Soát lỗi, nhận xét:

- Thu bài, nhận xét

Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh làm bài tập

Bài 2a:

- GV treo bảng phụ gọi hs đọc yêu cầu
- Yêu cầu hs làm theo nhóm
- Gọi hs nhận xét bài của nhóm bạn
- GV nhận xét kết luận lời giải đúng, đọc các từ chính xác vừa tìm

Chốt: Tìm những tiếng có nghĩa có âm đầu là r/d/gi ghép với âm a, vần ong, ông, ư

VD: ra lệnh, ra vào, rà lại, cây rạ, rà mìn,...

rong chơi, rong biển, bán hàng rong, đi rong,...

nhà rông, rộng, rống lên,...

rửa mặt, rửa,....

Bài 3:

- Gọi hs đọc yêu cầu
- YC làm cá nhân
- Gọi HS đọc câu văn đã hoàn chỉnh, nhóm khác nhận xét bổ sung
- Kết luận lời giải đúng.

Chốt: Cách phân biệt chính tả khi viết - nói r/gi/d.

3. Củng cố - dặn dò:

- Nêu nội dung bài chính tả.
- Nhận xét tiết học.
- Nhắc hs luyện viết cho đẹp hơn, đọc trước nội dung bài sau: *Nghe lời chim nói.*

Buổi chiều

Tiết 1: **Mĩ thuật** (GVC dạy)

Tiết 2: **Lịch sử**

NHỮNG CHÍNH SÁCH VỀ KINH TẾ VÀ VĂN HÓA CỦA VUA QUANG TRUNG

I. Mục tiêu:

- Nêu được công lao của Quang Trung trong việc xây dựng đất nước:
- + Đã có nhiều chính sách nhằm phát triển kinh tế: “ Chiếu khuyến nông”, đẩy mạnh phát triển thương nghiệp. Các chính sách này có tác dụng thúc đẩy kinh tế phát triển.
- + Đã có nhiều chính sách nhằm phát triển văn hoá, giáo dục: “ Chiếu lập học”, đề cao chữ Nôm,... Các chính sách này có tác dụng thúc đẩy văn hoá, giáo dục phát triển.
- HS lí giải được vì sao Quang Trung ban hành các chính sách về kinh tế và văn hoá như “ Chiếu khuyến nông” , “ Chiếu lập học”, đề cao chữ Nôm.

- Có ý thức học tập bộ môn.

II. Đồ dùng dạy - học

- Phiếu thảo luận nhóm cho học sinh

- Giáo viên và học sinh sưu tầm các tư liệu về các chính sách về kinh tế, văn hoá của vua Quang Trung.

III. Các hoạt động dạy - học chủ yếu.

A. Bài cũ :

1) Ngày 20 tháng chạp năm Mậu Thân, Quang Trung làm gì?

2) Quân ta tấn công đồn Hà Hồi vào thời gian nào?

3) Vì sao quân ta đánh thắng được 29 vạn quân Thanh?

- Nhận xét, tuyên dương HS.

1) Quang Trung tiến quân đến Tam Điệp. Tại đây ông cho lính ăn Tết trước rồi mới chia thành 5 đạo quân tiến đánh Thăng Long.

2) Vào đêm mùng 3 Tết năm Kỷ Dậu

3) Vì quân ta đoàn kết một lòng đánh giặc lại có nhà vua sáng suốt chỉ huy.

B. Dạy-học bài mới:

1. GTB: Các em đã biết Quang Trung là một nhà quân sự đại tài. Không những vậy, ông còn biết đưa ra và tổ chức thực hiện những chính sách kinh tế, văn hóa tiên bộ. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu những chính sách về kinh tế và văn hóa của vua Quang Trung.

2. Bài mới:

HD 1: Quang Trung xây dựng đất nước

- Dưới thời Trịnh-Nguyễn phân tranh, ruộng đất bị bỏ hoang, kinh tế không phát triển. Sau khi đánh đuổi quân Thanh, vua Quang Trung đã có nhiều chính sách về kinh tế.

- YC HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi:

-Vua Quang Trung đã có những chính sách gì về kinh tế? Nội dung và tác dụng của các chính sách đó?

- Vì sao vua Quang Trung ban hành chính sách *Chiếu khuyến nông*?

- Lắng nghe

- Thảo luận nhóm đôi, sau đó trả lời:

+ Nội dung: Lệnh cho dân trở về quê cày, khai phá ruộng hoang. Chỉ vài năm mùa màng tốt tươi trở lại.

Cho đúc tiền mới, mở cửa biên giới với Trung Quốc để cho dân 2 nước tự do trao đổi hàng hóa; mở cửa biển cho thuyền nước ngoài vào buôn bán.

+ Tác dụng: Thúc đẩy các ngành nông nghiệp, thủ công phát triển, hàng hóa không bị ứ đọng. Làm lợi cho sức tiêu dùng của nhân dân.

- Dưới thời Trịnh-Nguyễn phân tranh, dân chúng phải bỏ nhà, bỏ làng ra đi, ruộng đất bị bỏ hoang, kinh tế không phát triển... Đây là việc làm nhằm nhanh chóng phục hồi sản xuất nông nghiệp.

Chốt : những chính sách vua Quang Trung đề ra: Vua Quang Trung ban hành Chiếu khuyến nông; đúc tiền mới, YC nhà Thanh mở cửa biên giới cho dân hai nước tự do trao đổi hàng hóa, mở cửa biển cho thuyền nước ngoài vào buôn bán.

HD2: Quang Trung- Ông vua luôn chú trọng bảo tồn vốn văn hóa dân tộc

- Các em hãy dựa vào thông tin trong SGK thảo luận nhóm 4 trả lời:

- Vua Quang Trung đã ban hành chính sách gì về văn hóa- giáo dục? Nội dung và tác dụng của chính sách đó?

- Tại sao vua Quang Trung lại đề cao chữ Nôm và ban bố Chiếu lập học?

- Giảng: Vua Quang Trung rất coi trọng tiếng nói dân tộc, muốn đưa tiếng nói chữ Nôm thành chữ viết của nước ta, thay cho chữ Hán. Các văn kiện nhà nước dần dần được viết bằng chữ Nôm. Năm 1789 kì thi Hương đầu tiên được tổ chức ở Nghệ An, thí sinh phải thi thơ phú bằng chữ Nôm.

- Tại sao vua Quang Trung lại đề cao các chính sách về văn hoá *Chiếu lập học*?

- Em hiểu câu "Xây dựng đất nước lấy việc học làm đầu" của vua Quang Trung như thế nào?

Chốt tác dụng những chính sách vua Quang Trung làm: Chữ Nôm là chữ của dân tộc. Việc vua Quang Trung đề cao chữ Nôm là nhằm đề cao tinh thần dân tộc. Đất nước muốn phát triển được, cần phải đề cao dân trí, coi trọng việc học hành.

HD 3: Tình cảm của người đời sau đối với vua Quang Trung

- Công việc đang thuận lợi thì điều gì xảy ra?

- Tình cảm của người đời đối với ông ra sao?

Kết luận: Quang Trung mất, thế là các công việc mà ông đang tiến hành phải

- Lắng nghe

- Thảo luận nhóm 4 làm phiếu học tập, trả lời.

+ Nội dung: Vua ban hành chiếu lập học. Cho dịch sách chữ Hán sang chữ Nôm, coi chữ Nôm là chữ chính thức của nước ta.

+ Tác dụng: KK nhân dân học tập, phát triển dân trí; bảo tồn văn hóa dân tộc.

- Vì chữ Nôm đã có từ lâu đời ở nước ta. Đề cao chữ Nôm là đề cao vốn quý của dân tộc, nhằm bảo tồn và phát triển chữ viết của dân tộc.

- Lắng nghe

- HS giải thích vì: Đất nước muốn phát triển được, cần phải đề cao dân trí, coi trọng việc học hành.

- Vì học tập giúp con người mở mang kiến thức làm việc tốt hơn, sống tốt hơn. Công cuộc xây dựng đất nước cần người tài, chỉ học mới thành tài để giúp nước.

- Lắng nghe

- Năm 1792 vua Quang Trung mất

- Người đời vô cùng thương tiếc một ông vua tài năng và đức độ.

- Lắng nghe.

dang dở. Ông mất đã để lại trong lòng người dân sự thương tiếc vô hạn. Quang Trung -ông vua thật sự tài năng và đức độ.
+ GD học sinh lòng kính phục, biết ơn công lao to lớn của vua Quang Trung với đất nước.

3. Củng cố, dặn dò:

- Kể những chính sách về kinh tế, văn hóa, giáo dục của vua Quang Trung.
- Gọi HS đọc ghi nhớ
- Chuẩn bị bài sau: Nhà Nguyễn thành lập.

Tiết 3: **Kĩ thuật**(GVC dạy)

Thứ 3 ngày 11 tháng 4 năm 2023

Buổi sáng

Tiết 1: **Thể dục** (GVC dạy)

Tiết 2: **Toán**
LUYỆN TẬP CHUNG

I. Mục tiêu:

- Củng cố các KT về các phép tính của phân số. Tìm phân số của một số và tính diện tích hình bình hành. Giải bài toán liên quan đến tìm một trong hai số biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó.
- Thực hiện được các phép tính về phân số. Biết tìm phân số của một số và tính được diện tích hình bình hành. Giải được bài toán liên quan đến tìm một trong hai số biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó.
- Giáo dục học sinh ý thức chăm học, tích cực làm bài; giáo dục hs ý thức bảo vệ, giữ gìn đồ chơi

II. Đồ dùng dạy học:

- Bảng nhóm BT 2

III. Các hoạt động dạy - học:

A. Kiểm tra bài cũ

- HS nêu các bước giải dạng toán tổng – tỉ ; hiệu tỉ.
- Gv nhận xét, tuyên dương HS.

B. Bài mới: 1. Giới thiệu bài

2. Nội dung: Hướng dẫn học sinh luyện tập

Bài 1:

- GV yêu cầu HS tự làm bài
- YC HS làm bài. GV bao quát, theo dõi.
- KKHS thử lại các phép tính với PS.
- GV chữa bài trên bảng lớp. Hỏi:
+ Cách thực hiện phép cộng, trừ, nhân, chia phân số.
- + Thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức có phân số.

- HS nêu YC bài tập.
- 3 HS làm bảng, lớp làm vở .
- HS thử lại phép tính cộng, trừ, nhân, chia PS.
- HS theo dõi GV chữa bài.
- HS nhắc lại quy tắc thực hiện phép cộng, trừ, nhân, chia hai phân số.
- Thứ tự thực hiện các phép tính với PS cũng giống như thứ tự thực

Củng cố kỹ năng thực hiện các phép tính với phân số.

Bài 2:

- Yêu cầu HS đọc đề bài
- Muốn tính diện tích HBH ta làm như thế nào ?

- GV yêu cầu HS làm bài.

- GV chữa bài, chốt KQ đúng.

- YC HS giải thích cách tìm chiều cao trong bài làm của mình.

- YC HS nhắc lại cách tìm phân số của một số.

Củng cố tính diện tích HBH, tìm PS của một số.

Bài 3: GV yêu cầu HS đọc đề toán

- YC HS tự giải vở.
- Nhận xét, hỏi HS cách làm bài:
- Bài toán thuộc dạng toán gì ?
- + Tổng của hai số là bao nhiêu ? Tỉ số của hai số là bao nhiêu ?
- + Nêu các bước giải bài toán về tìm 2 số khi biết tổng và tỉ số của 2 số đó .

Giáo dục hs ý thức bảo vệ, giữ gìn đồ chơi.

Củng cố giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của 2 số đó.

Bài 4: GV yêu cầu HS đọc đề toán

- YC HS tự giải vở.
- Nhận xét, hỏi HS cách làm bài:
- Bài toán thuộc dạng toán gì ?
- + Hiệu số tuổi của bố và con là bao nhiêu
- Tỉ số của hai số là bao nhiêu ?
- + Nêu các bước giải bài toán về tìm 2 số khi biết hiệu và tỉ số của 2 số đó .

Giáo dục hs ý thức bảo vệ, giữ gìn đồ chơi.

Củng cố giải bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của 2 số đó.

hiện các phép tính với số tự nhiên:
Thực hiện nhân chia trước, cộng trừ sau.

$$a) \frac{23}{20}; b) \frac{13}{72}; c) \frac{3}{4}; d) \frac{44}{56} = \frac{11}{14}; e) \frac{26}{10} = \frac{13}{5}$$

- 1 HS đọc trước lớp, lớp đọc thầm.
- HS nêu: $S_{HBH} = \text{độ dài đáy} \times \text{chiều cao}$ (cùng đơn vị đo).

- HS làm bài vào vở, 1 HS làm bài trên bảng nhóm.

- Gắn bảng nhóm đọc bài, chữa bài, nhận xét .

- Tìm chiều cao bằng cách áp dụng Tìm PS của một số.

- Tìm PS của một số ta lấy số đó nhân với PS.

- 1 HS đọc, lớp đọc SGK

- HS tự giải vở, sau đó gọi HS chữa bài.

- Dạng tìm hai số khi biết tổng và tỉ của hai số đó.

- Tổng là 63, tỉ là $\frac{2}{5}$

- + B1 :Vẽ sơ đồ

- + B2 : Tìm tổng số phần bằng nhau

- + B3:Tìm SB.

- +B 4: Tìm SL.

- 1 HS đọc, lớp đọc SGK

- HS tự giải vở, sau đó gọi HS chữa bài.

- Dạng tìm hai số khi biết hiệu và tỉ của hai số đó.

- Hiệu là 35, tỉ là $\frac{2}{5}$

- + B1 :Vẽ sơ đồ

- + B2 : Tìm hiệu số phần bằng nhau

- + B3:Tính tuổi con.

3. củng cố - dặn dò:

- Nêu lại cách cộng, trừ, nhân, chia hai PS. Các bước giải bài toán dạng tổng(hiệu)-tỉ.
- Nhận xét tiết học.
- Dặn HS chuẩn bị bài sau: *Tỉ lệ bản đồ*.

Tiết 3: **Luyện từ và câu****MỞ RỘNG VỐN TỪ : DU LỊCH - THĂM HIỂM****I. Mục tiêu:**

- Biết được một số từ ngữ liên quan đến hoạt động du lịch và thám hiểm ; bước đầu vận dụng vốn từ đã học theo chủ điểm du lịch, thám hiểm để viết được đoạn văn nói về du lịch hay thám hiểm .
- HS yêu thích du lịch và thám hiểm những miền đất lạ; giáo dục học sinh ý thức giữ vệ sinh khi đi tham quan du lịch

II. Đồ dùng dạy - học

- Bảng nhóm BT1
- Bút dạ+giấy khổ to BT3

III. Các hoạt động dạy - học**A. Kiểm tra bài cũ:**

- Yêu cầu hs làm lại bài tập số 4 của tiết trước
- Tại sao phải giữ phép lịch sự khi bày tỏ yêu cầu đề nghị?
- Kiểu câu nào để nêu yêu cầu đề nghị?
- Nhận xét

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài

2. Nội dung:

Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh làm bài tập**Bài 1:**

- Gọi hs đọc yêu cầu và nội dung bài tập
- GV tổ chức cho học sinh hoạt động trong nhóm 4 .
- Yêu cầu nhóm nào xong trước trình bày trên bảng lớp
- Gọi nhóm khác nhận xét bổ sung
- Gọi hs đọc lại các từ vừa tìm được

Nhóm 1: từ ngữ chỉ đồ dùng cần cho chuyến du lịch

Nhóm 2: từ chỉ phương tiện giao thông và những sự vật liên quan đến phương tiện giao thông.

Nhóm 3: từ ngữ chỉ tổ chức, nhân viên phục vụ du lịch.

Nhóm 4: từ chỉ địa điểm du lịch

Bài 2:

- Gọi hs đọc yêu cầu và nội dung bài tập

- HS đọc yêu cầu bài .
- HS hoạt động nhóm 4 làm bảng nhóm
- HS các nhóm báo cáo kết quả làm việc.
- Lớp nhận xét, bổ sung
- HS lần lượt đọc

- HS nêu yêu cầu của bài tập.

- Tổ chức cho hs thi tìm từ tiếp sức theo tổ
 - Cho hs thảo luận trong tổ
 - Cách thi tiếp sức : Mỗi thành viên trong tổ thi được viết 1 từ vào đúng cột trên bảng lớp
 - Cho hs thi tìm từ
 - Nhận xét tổng kết nhóm tìm được nhiều từ chính xác
 - Gọi hs đọc các từ vừa tìm

Chốt :
Nhóm 1 : Đồ dùng cần cho cuộc thám hiểm
Nhóm 2 : Những khó khăn nguy hiểm cần vượt qua
Nhóm 3 : Những đức tính cần thiết của người tham gia đoàn thám hiểm

Bài 3:
 - Gọi hs đọc yêu cầu của bài
 + Em thích du lịch hay thám hiểm hơn ?
 + Em đã đi du lịch ở những nơi nào ?
 - Gv phát bút dạ+ giấy khổ to.
 -Yêu cầu hs tự viết bài
 -Viết đoạn văn hay, sinh động
 - GV nhận xét.
 - Gọi hs đọc đoạn văn của mình

Chốt: *Sử dụng từ trong chủ đề viết đoạn văn*

- 3 nhóm cử đại diện tham gia chơi
 - HS tham gia trò chơi

- HS nhận xét
 - HS lần lượt đọc

- HS đọc yêu cầu
 - HS nêu ý kiến của mình
 - HS làm việc cá nhân vào vở, nêu kết quả.
 -2 HS viết vào giấy khổ to.
 - 4 ->5 hs đọc

Mùa hè nào nhà em cũng đi du lịch. Năm nay bố em quyết định đi thăm quan Hạ Long. Trước khi đi em và mẹ ra chợ chuẩn bị: đồ ăn, nước uống, đèn pin, bông băng gạc thuốc, quần áo bơi, ...Sáng sớm, cả nhà đi xe khách tuyến Thanh Hà - Mông Dương. Đi đến đâu gia đình em cũng được nghe cô hướng dẫn viên du lịch giới thiệu tỉ mỉ về các danh lam thắng cảnh. Bãi biển ở đây thật sạch và đẹp, không khí trong lành mát mẻ. Đồ ăn ở đây thật tuyệt. Em rất thích những chuyến đi du lịch cùng gia đình.

3. Củng cố, dặn dò:

- Tìm và nêu 5 từ thuộc chủ đề du lịch - thám hiểm. Đặt câu với 1 trong các từ em vừa tìm.
 - Nhận xét tiết học
 - Nhắc học sinh hoàn chỉnh đoạn văn cho hay hơn và đọc trước bài sau : *Câu cảm*

NHU CẦU CHẤT KHOÁNG CỦA THỰC VẬT**I. Mục tiêu**

- Nắm được vai trò của các chất khoáng đối với đời sống thực vật. Trình bày nhu cầu về các chất khoáng của thực vật khác nhau trong mỗi giai đoạn và ứng dụng thực tế của kiến thức đó trong trồng trọt.
- Rèn kĩ năng quan sát cho HS.
- GD HS biết vận dụng nhu cầu chất khoáng của cây vào việc chăm sóc cây, bảo vệ cây trồng.

II. Đồ dùng

- Hình trang 114, 115 SGK

III. Các hoạt động dạy- học**A. Bài cũ:**

- Hãy nêu ví dụ mỗi loài cây khác nhau có nhu cầu về nước cũng khác nhau.
- Nêu VD chứng tỏ cùng một loài cây, trong những giai đoạn phát triển khác nhau cần lượng nước khác nhau.
- Nhận xét, đánh giá.

B. Bài mới:**HD 1 : Vai trò của các chất khoáng đối với thực vật**

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Trong đất có những yếu tố nào cần cho sự sống và phát triển của cây? - Khi trồng cây, người ta có phải bón thêm phân cho cây không? Làm như vậy nhằm mục đích gì? - Em biết những loại phân nào thường bón cho cây? - GV YC HS quan sát tranh SGK trang 118 thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi sau: - Các cây cà chua ở hình phát triển như thế nào? Hãy giải thích tại sao? a, b, c, d thiếu các chất khoáng gì? Kết quả ra sao? | <ul style="list-style-type: none"> - HS trao đổi theo cặp trả lời: có mùn, cát, đất sét, các chất khoáng, xác động vật, KK, nước - Có bốn phân. Vì chất khoáng trong đất không đủ cho cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt, cho năng suất cao. Bón phân cho cây để cung cấp đủ khoáng chất cho cây sinh trưởng và phát triển. - Đạm lân, ka-li, phân bắc, phân xanh.... - HS quan sát các cây cà chua rồi thảo luận. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung Kết quả thảo luận đúng: - Cây hình a) phát triển tốt nhất, cây cao, lá xanh,... Vì cây được bón đủ chất khoáng. Cây hình b) phát triển kém nhất, cây còi cọc, lá bé, thân mềm, ... vì thiếu ni-tơ. Cây hình c) phát triển chậm, thân gầy lá bé, ít quả, quả còi cọc vì thiếu kali Cây hình d) phát triển kém, lá bé, quả ít, còi, chậm lớn do thiếu phốt pho. - Cây phát triển tốt nhất là cây hình a) |
|--|---|

- Trong số các cây cà chua a, b, c, d cây nào phát triển tốt nhất? Hãy giải thích tại sao?

- Điều đó giúp em rút ra kết luận gì?

- GV nhận xét, chốt kết quả đúng.

Trong quá trình sống nếu cây không được cung cấp đầy đủ các chất khoáng, cây sẽ phát triển kém, không ra hoa, kết quả, hoặc nếu có cho năng suất thấp (ni-tơ là chất khoáng quan trọng mà cây cần nhiều).

Hoạt động 2. Nhu cầu các chất khoáng của thực vật

- Gọi HS đọc mục bạn cần biết T119 SGK và trả lời câu hỏi:

+ Những loại cây nào cần được cung cấp nhiều ni-tơ hơn?

+ Những loại cây nào cần được cung cấp nhiều kali hơn?

+ Những loại cây nào cần được cung cấp nhiều photpho hơn?

+ Em có nhận xét gì về nhu cầu chất khoáng của cây?

+ Hãy giải thích tại sao giai đoạn lúa vào hạt không nên bón nhiều phân?

+ Quan sát cách bón phân hình 2 em thấy có gì đặc biệt?

Chốt: Mỗi loài cây có nhu cầu về chất khoáng khác nhau. Cùng 1 cây thì mỗi giai đoạn phát triển nhu cầu chất khoáng cũng khác nhau.

+ Gia đình em có trồng những loại cây nào?

+ Em thấy bố mẹ bón phân cho cây trong giai đoạn nào?

+ Người ta ứng dụng nhu cầu chất khoáng của cây trồng trong trồng trọt như thế nào?

GD HS biết vận dụng nhu cầu chất khoáng của cây vào việc chăm sóc cây, bảo vệ cây trồng.

3. củng cố dặn dò

- Chất khoáng có vai trò gì đối với cây trồng?

Vì được cung cấp đầy đủ chất khoáng. Cây kém nhất là cây hình b) vì thiếu ni-tơ.

- Trong quá trình sống nếu cây không được cung cấp đầy đủ các chất khoáng, cây phát triển kém.....Ni-tơ có trong đạm là chất khoáng quan trọng nhất mà cây cần nhiều.

- HS nhắc lại

- HS đọc mục bạn cần biết và trả lời câu hỏi.

- Cây lúa, ngô, cà chua đay, rau muống, rau dền, bắp cải ...

- Cà rốt, khoai lang, khoai tây, ...

- Cây lúa, ngô, cà chua, ...

- Mỗi loài cây khác nhau có nhu cầu về chất khoáng khác nhau.

- Vì trong đạm có ni-tơ, ni-tơ cần cho sự phát triển về lá. Nếu lá lúa tốt quá sẽ bị sâu, gió to bị đổ,

- Bón phân vào gốc không bón lên lá, bón vào lúc cây sắp ra hoa.

- HS nêu

- HS liên hệ thực tế.

- Nhờ biết được nhu cầu về chất khoáng của từng cây để bón phân thích hợp cho cây phát triển tốt cho năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt.

- Nêu nhu cầu chất khoáng đối với cây trồng.
- Nhận xét tiết học.
- Chuẩn bị bài: *Nhu cầu chất không khí của thực vật.*

Buổi chiều

Tiết 1: **Tin học** (GVC dạy)

Tiết 2: **Tiếng Anh**(GVC)

Tiết 3: **Âm nhạc** (GVC dạy)

Thứ 4 ngày 12 tháng 4 năm 2023

Buổi sáng

Tiết 1: **Toán**

TỈ LỆ BẢN ĐỒ

I. Mục tiêu:

- Bước đầu biết được ý nghĩa và hiểu được tỉ lệ bản đồ là gì. Biết một đơn vị độ dài thu nhỏ trên bản đồ ứng với độ dài trên mặt đất là bao nhiêu.
- Rèn kĩ năng giải toán tỉ lệ của bản đồ.
- GD HS biết áp dụng những điều đã học vào thực tế cuộc sống.

II. Đồ dùng dạy- học:

- Bản đồ Việt Nam (HĐ 1); Bảng phụ kẻ sẵn BT2.

III. Các hoạt động dạy- học:

1. Giới thiệu bài

2. Bài mới

Hoạt động1: Giới thiệu tỉ lệ bản đồ

- Trong môn địa lí các em được học về bản đồ, em cho biết bản đồ là gì?

- GV đưa bản đồ: Bản đồ Việt Nam có tỉ lệ 1:10 000 000 và GT:

Tỉ lệ 1:10 000 000 ghi trên các bản đồ gọi là "**tỉ lệ bản đồ**"

- Tỉ lệ bản đồ 1:10 000 000 cho biết hình nước Việt Nam được vẽ thu nhỏ mười triệu lần, chẳng hạn: Độ dài 1cm trên bản đồ ứng với độ dài thật là:

$$1 \times 10\,000\,000 = 10\,000\,000 \text{ (cm)}$$

hay 100 km.

- Tỉ lệ bản đồ 1:10 000 000 có thể viết dưới dạng phân số $\frac{1}{10\,000\,000}$, tử số cho biết độ dài thu nhỏ trên bản đồ là 1 đơn vị (cm, dm, m...) & mẫu số cho biết độ dài tương ứng là 10 000 000 đơn vị (10 000 000 cm, 10 000 000 dm, 10 000 000 m)

- Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ của một quốc gia hay một phần trái đất. Vẽ thu nhỏ bao nhiêu lần thì phải căn cứ vào tỉ lệ bản đồ.

- HS quan sát và lắng nghe.

HS quan sát và lắng nghe.

- HS quan sát và lắng nghe.

m...)

- GV treo bản đồ thế giới, bản đồ Việt Nam và bản đồ một số tỉnh thành phố.
- Em hiểu thế nào là tỉ lệ bản đồ?

Hoạt động 2: Thực hành

Bài 1: Yêu cầu HS đọc đề bài toán

- Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000, độ dài 1mm ứng với độ dài thật là bao nhiêu ?
- GV hỏi tương tự với các số liệu khác.
- Độ dài ngoài thực tế là 2000cm, trên bản đồ ghi tỉ lệ bao nhiêu?

Chốt cách tính độ dài thật biết tỉ lệ bản đồ và độ dài thu nhỏ

Bài 2: (BP)

- YC HS đọc, xác định đề bài.

- Biết tỉ lệ bản đồ, biết độ dài thu nhỏ trên bản đồ, muốn tính độ dài thật làm thế nào?

- Yêu cầu HS tự làm bài
- GV chữa bài, nhận xét
- GV chốt kết quả đúng.

Chốt cách tính độ dài thật biết tỉ lệ bản đồ và độ dài thu nhỏ

- HS tìm và đọc tỉ lệ bản đồ

- Tỉ lệ bản đồ là: Độ dài thu nhỏ trên bản đồ có đơn vị đo là gì thì ở ngoài thực tế cũng có đơn vị đo như thế.

- 1 HS đọc, lớp đọc thầm trong SGK
- Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000 độ dài 1 mm ứng với độ dài thật là 1000 mm
- 1HS lên bảng làm, lớp làm vào vở.
- HS chữa bài

- HS nêu y/c BT: Tính độ dài thật khi biết tỉ lệ bản đồ và độ dài thu nhỏ trên bản đồ..

- Lấy độ dài thu nhỏ trên bản đồ nhân với mẫu số của tỉ lệ bản đồ.

- 1 HS làm trên BP, HS dưới lớp tự ghi độ dài thật vào chỗ chấm. Sau đó 1 HS chữa bài.

- HS so sánh bài, nhận xét bài của bạn.

Tỉ lệ bản đồ	1 : 1000	1 : 300	1 : 10 000	1 : 500
Độ dài thu nhỏ	1 cm	1 dm	1 mm	1 m
Độ dài thật	1000 cm	300 dm	10 000 mm	500 m

3. Củng cố - dặn dò:

- Em hiểu thế nào là tỉ lệ bản đồ?
- Biết tỉ lệ bản đồ, biết độ dài thu nhỏ trên bản đồ, muốn tính độ dài thật làm thế nào?
- GV hệ thống lại nội dung bài học. Điều cần lưu ý về ý nghĩa của tỉ số bản đồ.
- Nhận xét tiết học. Dặn HS chuẩn bị bài sau: *Ứng dụng của tỉ lệ bản đồ.*

Tiết 2: Kể chuyện

KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC

I. Mục tiêu:

- Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về du lịch hay thám hiểm..

- Hiểu nội dung chính của câu chuyện (đoạn truyện) đã kể và biết trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện (đoạn truyện).

II. Đồ dùng dạy-học:

- Một tờ phiếu viết dàn ý bài kể chuyện:
- + Giới thiệu tên câu chuyện, nhân vật.
- + Mở đầu câu chuyện (chuyện xảy ra khi nào, ở đâu?)
- + Diễn biến câu chuyện
- + Kết thúc câu chuyện.
- Bảng phụ viết tiêu chuẩn đánh giá bài KC

III. Các hoạt động dạy-học:

A. Bài cũ: Đồi cánh của ngựa trắng

- Gọi 1 hs kể 2 đoạn của câu chuyện và nêu ý nghĩa truyện.
- Nhận xét, tuyên dương HS

B. Dạy-học bài mới:

1) Giới thiệu bài: Tiết học hôm nay, các em sẽ kể những câu chuyện đã nghe, đã đọc về du lịch, thám hiểm. Để kể được, các em phải tìm đọc truyện ở nhà hoặc nhớ lại câu chuyện mình đã nghe.

- Kiểm tra việc chuẩn bị của hs

2) HD hs kể chuyện

a) HD hs hiểu yêu cầu của bài

- Gọi hs đọc đề bài
- Gạch dưới: được nghe, được đọc, du lịch, thám hiểm.
- Gọi hs đọc các gợi ý 1,2
- Theo gợi ý, có 3 truyện đã có trong SGK. Các em có thể kể những truyện này. Bạn nào kể chuyện ngoài SGK sẽ được cộng thêm điểm
- Gọi hs hãy nói tiếp nhau nói: Em chọn kể chuyện gì? Em đã nghe kể chuyện đó từ ai, đã đọc truyện đó ở đâu?

- Dán tờ phiếu ghi vắn tắt dàn ý bài KC, gọi hs đọc

- Nhắc nhở: Các em kể tự nhiên, với giọng

- 1 hs thực hiện y/c: Phải mạnh dạn đi đây, đi đó mới mở rộng tầm hiểu biết, mới mau khôn lớn, vững vàng.

- Lắng nghe

- 1 hs đọc to trước lớp

- Theo dõi

- 2 hs đọc

- Lắng nghe

+ Em chọn kể chuyện về cuộc thám hiểm hơn một nghìn ngày vòng quanh trái đất của nhà hàng hải Magien-lăng. Đây là bài tập đọc trong SGK TV4.

+ Em kể chuyện thám hiểm Vịnh ngọc trai cùng thuyền trưởng Nê-mô. Truyện này em đã đọc trong Hai vạn dặm dưới biển.

+ Em kể chuyện về những người chinh phục đỉnh núi Ê-vơ-rét. Truyện này em đọc trong báo TNTTP

+ Em kể chuyện Éch và chẫu chàng. Câu chuyện này, bà em kể cho em nghe vào tuần trước khi bà giải thích câu: Éch ngồi đáy giếng...

kể, nhìn vào các bạn là những người đang nghe mình kể. Với những truyện khá dài, các em có thể kể 1-2 đoạn.

b) HS thực hành kể chuyện và trao đổi về nội dung câu chuyện

- Các em hãy kể cho nhau nghe câu chuyện của mình trong nhóm đôi. Kể xong trao đổi với nhau về ý nghĩa câu chuyện.
- Tổ chức cho hs thi kể chuyện trước lớp.
- YC hs lắng nghe, trao đổi về câu chuyện.

- GV treo bảng phụ viết tiêu chuẩn đánh giá bài KC
- Cùng hs nhận xét, bình chọn bạn có truyện hay nhất, kể chuyện hấp dẫn nhất, đặt câu hỏi hay nhất.

- 1 hs đọc to trước lớp

- Lắng nghe

- Thực hành kể chuyện trong nhóm đôi

- Vài hs thi kể chuyện trước lớp

- Trao đổi về câu chuyện

+ Bạn hãy nói ý nghĩa câu chuyện bạn vừa kể.

+ Bạn có thích nhân vật chính trong câu chuyện không? Vì sao?

+ Trong câu chuyện này, bạn thích chi tiết nào nhất?

+ Bạn có suy nghĩ gì sau nghe xong câu chuyện?

- Nhận xét, bình chọn.

3. Củng cố, dặn dò:

- Về nhà kể lại câu chuyện ở lớp cho người thân nghe.
- Nhận xét tiết học.

Tiết 3: **Tập đọc**
DÒNG SÔNG MẶC ÁO

I. Mục tiêu:

- Đọc đúng các tiếng, từ khó hoặc dễ lẫn do ảnh hưởng các phương ngữ như: lựa đào, thướt tha, mặc, trôi thơ thẩn, rắng vàng, rềm, vàng trắng, khuya, ngân ngơ, la đà, nhòa,... Đọc rành mạch, trôi chảy; biết đọc diễn cảm một đoạn thơ trong bài với giọng vui, tình cảm.
- Hiểu ND: Ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông quê hương (trả lời được các câu hỏi trong SGK, thuộc được đoạn thơ khoảng 8 dòng). Hiểu nghĩa các từ ngữ: điệu, hây hây, rắng ...
- GD HS yêu cảnh đẹp đất nước.

II. Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa bài tập đọc trong SGK.
- Bảng phụ ghi sẵn câu, đoạn cần luyện đọc.

III. Hoạt động trên lớp:

A. Kiểm tra bài cũ:

- Đọc và trả lời câu hỏi bài "Hơn một nghìn ngày vòng quanh trái đất".

1) Ma-gien-lăng thực hiện cuộc thám hiểm với mục đích gì?

-2 HS thực hiện

1) Cuộc thám hiểm của Ma-gien-lăng có nhiệm vụ khám phá những con đường trên biển dẫn đến những vùng đất mới.

2) Đoàn thám hiểm của Ma-gien-lăng đã đạt những kết quả gì?

- Nhận xét, tuyên dương HS

B. Bài mới : GV cho HS quan sát tranh minh họa và nêu ND tranh.

HD1. Luyện đọc

- HS tiếp nối nhau đọc từng đoạn của bài thơ.

- Lượt 1 : Gọi 2 hs đọc →GV nghe và nhận xét và sửa lỗi luyện đọc cho HS.
Luyện phát âm: *khuya, nhòa, vàng trắng, ráng vàng.*

Hướng dẫn ngắt nhịp thơ:

Nép trong rừng buổi / lặng yên đôi bờ

*Sáng ra / thơm đến **ngẩn ngơ***

*Dòng sông đã mặc bao giờ / **áo hoa***

*Ngược lên / bỗng gặp **la đà***

*Ngàn hoa buổi đã **nở nhòa** áo ai...//*

- Lượt 2: Hướng dẫn HS giải nghĩa từ khó : *điều, hây hây, ráng*

- GV đọc mẫu bài thơ với giọng nhẹ nhàng, ngạc nhiên

HD 2. Tìm hiểu bài:

- HS đọc đoạn đầu trao đổi và TLCH:

+ Vì sao tác giả nói là dòng sông "điều" ? Tác giả đã dùng từ ngữ nào để tả cái rất "điều" của dòng sông ?

+ "Ngẩn ngơ" nghĩa là gì ?

Chốt ý 1: *Nói lên sự thay đổi màu sắc trong một ngày của dòng sông.*

- HS đọc tiếp đoạn tiếp theo của bài trao đổi và trả lời câu hỏi.

+ Vì sao tác giả lại nói sông mặc áo lụa đào khi nắng lên, mặc áo xanh khi trưa đến ?

+ Cách nói " Dòng sông mặc áo " có gì hay ?

2) Chuyên thám hiểm kéo dài 1083 ngày đã khẳng định trái đất hình cầu, phát hiện Thái Bình Dương có nhiều vùng đất mới.

-HS quan sát tranh: bức tranh chụp cảnh một dòng sông nước xanh ngấn ngát bên bờ có một cây to xòe tán xuống dòng sông và xa hơn là cảnh một người đang chèo thuyền trôi trên dòng sông.

- HS tiếp nối nhau đọc theo trình tự:

+Đoạn 1: Dòng sông ... sao lên.

+Đoạn 2: Khuya rồi ... áo ai.

- 3 HS nối tiếp nhau đọc bài. Mỗi HS đọc một đoạn của bài.

- 3 HS đọc nối tiếp bài lần 2, mỗi HS đọc một đoạn của bài. Cả lớp đọc thầm theo dõi và nhận xét bạn đọc.

- HS luyện đọc ngắt nghỉ , nhân giọng.

-Theo dõi GV đọc mẫu để nắm được giọng đọc bài văn

- 1 HS đọc. Cả lớp đọc thầm, TLCH:

+ Vì sao tác giả lại nói sông mặc áo lụa như con người thay đổi màu sắc ?

+ Ngây người ra, không còn chú ý gì đến xung quanh, tâm trí để ở đâu đâu.

- 1 HS đọc. Cả lớp đọc thầm, trao đổi theo cặp và trả lời câu hỏi.

+ Vì khi nắng lên bầu trời có màu hồng phản chiếu xuống mặt nước thì dòng sông như khoác lên mình tấm áo lụa đào còn buổi trưa bầu trời cao ,bóng của hai hàn cây ven sông phản chiếu xuống mặt nước lên dòng sông có màu xanh.

+Đây là hình ảnh nhân hoá làm cho con sông trở nên gần gũi với con người

- Hình ảnh nhân hoá làm nổi bật sự thay đổi màu sắc của dòng sông theo thời gian, theo màu trời, màu nắng, màu cỏ cây ...

+ Em thích nhất hình ảnh nào trong bài?
Vì sao?

Chốt ý 2: Nói lên sự thay đổi màu sắc của dòng sông lúc đêm khuya và trời sáng.

+ Nội dung bài thơ nói lên điều gì ?

HD 3. Đọc diễn cảm:

- HS đọc tiếp các khổ thơ của bài thơ
- + Hướng dẫn HS đọc diễn cảm theo đúng nội dung của bài.
- Gv treo bảng phụ giới thiệu các câu thơ cần luyện đọc diễn cảm(khổ thơ 2)
- HS đọc khổ thơ 2
- Thi đọc diễn cảm và đọc thuộc lòng từng khổ rồi cả bài thơ.
- Nhận xét và tuyên dương HS.

+ Nắng lờn, dững sụng mặc ỏ lựa đào ;
Hõnh ảnh dững sụng mặc ỏ lựa đào cho ta cảm giổc mềm mại, thướt tha.

+ Sụng vào buổi tối trải rộng một màu nhưng tóm tròn đủ lại in hõnh ảnh vầng trăng và trăm ngàn ngôi sao lấp lỏnh tạo thành một bức tranh đẹp nhiều màu sắc, lung linh, huyền ảo ...

- Bài thơ ca ngợi về vẻ đẹp của dòng sông quê hương.

- 3 HS tiếp nối nhau đọc

- Cả lớp theo dõi tìm cách đọc

- HS lắng nghe.

- HS luyện đọc trong nhóm 2 HS.

- Thi đọc từng khổ theo hình thức tiếp nối.

- 2 đến 3 HS thi đọc thuộc lòng và đọc diễn cảm cả bài thơ.

3. Củng cố – dặn dò:

- Hình ảnh thơ nào là phát hiện độc đáo của tác giả khiến em thích nhất ?
- Nhận xét tiết học
- Về nhà học thuộc bài thơ và chuẩn bị tốt cho bài học sau: *Ăng - co Vát*.

Tiết 4: **Đạo đức**

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (tiết 1)

I. Mục tiêu:

- Biết được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và trách nhiệm tham gia BVMT.
- Nêu được những việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để BVMT.
- Tham gia BVMT ở nhà, ở trường học và nơi công cộng bằng những việc làm phù hợp với khả năng.
- GDKNS: Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin liên quan đến ô nhiễm môi trường; kỹ năng bình luận, xác định các lựa chọn; kỹ năng đảm nhận trách nhiệm bảo vệ môi trường ở nhà và ở trường.
- GDHS ý thức giữ gìn môi trường trong sạch mọi lúc, mọi nơi.
- GD bảo vệ môi trường biển - đảo cho hs.
- GT :Không yêu cầu hs lựa chọn phương án phân vân trong các tình huống bày tỏ thái độ của mình.
- GDQP: Nêu tác hại ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

II. Đồ dùng dạy học:

- Các tấm bìa màu xanh, đỏ (HD 2)

III. Hoạt động trên lớp:

A. Kiểm tra bài cũ:

- Khi tham gia giao thông em phải chú ý những gì?
- Vì sao phải tôn trọng Luật Giao thông?
- Nhận xét, đánh giá.

B. Bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung

Hoạt động 1: Trao đổi thông tin

- Gv chia nhóm yêu cầu hs thảo luận về các sự việc đã nêu trong SGK.

+ Qua các thông tin trên em có nhận xét gì về môi trường mà chúng ta đang sống?

+ Tại sao môi trường lại ô nhiễm như vậy?

+ Những hiện tượng trên ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống con người?

+ GDQP: Nêu tác hại ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

+ Chúng ta cần và có thể làm gì để góp phần bảo vệ môi trường?

- Yêu cầu các nhóm trình bày ý kiến

+ Qua những thông tin trên, theo em, môi trường bị ô nhiễm là do các nguyên nhân nào ?

- GD bảo vệ môi trường biển - đảo cho HS: Dầu đổ vào đại dương: gây ô nhiễm biển, các sinh vật biển bị chết, người bị nhiễm bệnh

GV KL: Bảo vệ môi trường là giữ cho môi trường trong lành, sống thân thiện với môi trường, duy trì, bảo vệ và sử dụng tiết kiệm hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Hoạt động 2 : Làm việc cá nhân (BT 1- SGK)

- Giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập 1: nếu đồng ý giơ thẻ màu xanh nếu không đồng ý không thẻ màu đỏ

- Mời 1 hs lên nêu ý kiến, lớp bày tỏ thái độ.

- GV mời một số học sinh giải thích

Kết luận:

+ Các việc làm bảo vệ môi trường: b, c, d,

- HS làm việc theo nhóm đôi thảo luận về các sự việc đã nêu trong SGK:

+ Môi trường sống đang bị ô nhiễm; tài nguyên đang cạn kiệt dần,...

+ Do khai thác rừng bừa bãi, vứt rác bừa xuống ao hồ, sông ngòi, đổ nước thải ra sông,...

+ Gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người

+ Mắc bệnh viêm màng kết, tiêu chảy, ung thư, bệnh thận, thần kinh, bệnh đường tiêu hóa, nhiễm giun, sán, viêm phổi, viêm phế quản mãn tính, gây bệnh tim mạch, vô sinh.

+ Không vứt rác bừa bãi; không chặt phá rừng; không xả khói, nước thải chưa qua xử lý ra môi trường,...

- Đại diện nhóm trình bày.

- HS nêu.....

- HS đọc và giải thích phần ghi nhớ trong SGK.

- HS theo dõi cách bày tỏ

- 1 HS nêu ý kiến, lớp bày tỏ ý kiến

- HS giải thích.....

đ, g. +Việc làm gây ô nhiễm môi trường: a, e, h -Tình trạng môi trường ở địa phương em như thế nào? - Em đã làm gì để bảo vệ môi trường ở địa phương mình? <i>GD HS bảo vệ môi trường là việc làm mà ai cũng phải có trách nhiệm thực hiện.</i>	- HS trình bày VD: Môi trường sống ở địa phương đang bị ô nhiễm nhất là môi trường nước -HS đưa ra các giải pháp tốt nhất để bảo vệ môi trường : không vứt rác bừa bãi; sử dụng tiết kiệm nước, điện ,...
---	--

3. Củng cố, dặn dò :

- Vì sao phải bảo vệ môi trường ?
GDBVMT: Mỗi chúng ta ai ai cũng cần có trách nhiệm và ủng hộ tất cả các hành vi BVMT. Không đồng tình với những hành vi làm ô nhiễm môi trường và biết nhắc bạn bè, người thân cùng thực hiện bảo vệ môi trường.

- Nhận xét tiết học
- Nhắc học sinh thực hiện theo nội dung bài học và tìm hiểu tình hình bảo vệ môi trường tại địa phương.

Buổi chiều:

Tiết 1: Tiếng Anh(GVC)

Tiết 2: Tiếng Việt*

LUYỆN KỂ CHUYỆN: đôi cánh của ngựa trắng

I. MỤC TIÊU : Tiếp tục giúp HS:

- + Rèn kĩ năng nói : Dựa vào lời kể của giáo viên và tranh minh hoạ , HS biết thuyết minh lại nội dung mỗi tranh bằng 1,2 câu . Kể lại được câu chuyện , có thể phối hợp lời kể với điệu bộ , nét mặt một cách tự nhiên.
 - + Rèn kĩ năng nghe : Chăm chú nghe cô kể chuyện , nhớ cốt truyện. Nghe bạn kể: nhận xét, đánh giá đúng lời kể của bạn ; kể tiếp được lời bạn.
- HS nắm được nội dung câu chuyện . Biết trao đổi với các bạn về ý nghĩa câu chuyện.

- Giáo dục HS lòng dũng cảm.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Kiểm tra bài cũ (5phút): Gọi 1-2 HS kể lại 1 câu chuyện em đã chứng kiến hoặc tham gia về việc mình đã làm để bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp.	- HS kể
2. Dạy bài mới 2.1. Giới thiệu bài (1phút) 2.2. Hướng dẫn kể chuyện (30phút) a. Gọi một HS khá kể. - GV nhận xét b.Kể chuyện bằng lời của "Ngựa Trắng" ? Kể chuyện bằng lời của chú bé"là như thế nào ? ? Khi kể phải xưng hô như thế nào ?	- HS nghe , nhận xét - HS nêu - Yêu cầu HS kể chuyện trong nhóm .

- Gọi HS nhận xét bạn kể
- Nhận xét chung, bình chọn bạn nhập vai giỏi nhất, kể hay nhất.
- 3. Củng cố, dặn dò (3 phút)**
- ? Câu chuyện muốn nói với các bạn điều gì
- GV nhận xét tiết học.

- Thi kể trước lớp

Tiết 3: **Toán***

LUYỆN TẬP: TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG (HIỆU) VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ

I. Mục tiêu:

- Củng cố HS cách giải bài toán "Tìm 2 số khi biết tổng (hiệu) và tỉ của hai số đó"
- Rèn kỹ năng giải toán về dạng toán này.
- GD HS biết áp dụng những điều đã học vào thực tế cuộc sống.

II. Đồ dùng dạy - học:

- Bảng phụ BT3, bảng nhóm BT 2

III. Các hoạt động dạy- học:

HD1. Củng cố lý thuyết

- Nêu các bước giải 2 dạng toán : Tìm 2 số biết tổng và tỉ số của 2 số.
- Nêu các bước giải 2 dạng toán : Tìm 2 số biết hiệu và tỉ số của 2 số.
- So sánh 2 dạng toán đã học
- GV chốt điểm giống và khác nhau của mỗi dạng toán và cách giải từng dạng.*

- HS nêu.....

- HS nêu.....

- Giống nhau đều cho biết tỉ số của hai số.

- Khác nhau: dạng tổng -tỉ thì biết tổng của hai số còn dạng hiệu- tỉ cho biết hiệu của hai số.

HD2. Thực hành

Bài 1: Tổng của 2 số là 100. Số lớn bằng $\frac{3}{2}$ số bé. Tìm 2 số đó.

- HS đọc đề toán.

- Bài toán cho biết gì? Bài toán thuộc dạng toán nào?

ĐA: SB: 40; SL 60

Củng cố cách giải toán dạng toán tổng - tỉ

Bài 2:

Số thóc trong kho A bằng $\frac{4}{7}$ số thóc trong kho B. Kho B có số thóc hơn số thóc kho A là 135 tấn. Hỏi mỗi kho thóc chứa bao nhiêu tấn thóc?

- Biết tổng: 100, tỉ số là $\frac{3}{2}$

Dạng toán Tổng - tỉ.

- HS tự làm bài, 1 em làm bảng làm cả lớp làm vào nháp.

- HS đọc đề bài

- HS trao đổi cặp đôi phân tích bài toán.

- Biết kho B có số thóc hơn số thóc kho A là 135 tấn, tỉ số $\frac{4}{7}$

- YC HS trình bày bài giải, sau đó chữa bài.
- GV chấm Đ/S, nhận xét bài làm.

- XD dạng toán : hiệu -tỉ. HS nêu cách làm.

Củng cố dạng toán hiệu- tỉ.

- 2 HS làm bài vào bảng nhóm; cả lớp làm vào vở.

Bài 3.(BP) Một mảnh vườn hình chữ nhật, bớt chiều dài đi 18m, thêm vào chiều rộng 12m thì mảnh vườn trở thành hình vuông. Tính diện tích mảnh vườn đó, biết tỉ số giữa chiều rộng và chiều dài là $\frac{2}{5}$ - Bài toán cho biết gì? Bài toán thuộc dạng toán nào? Yếu tố nào đã biết, yếu tố nào chưa biết phải tìm? Nêu cách làm . - YC HS trình bày bài giải, sau đó chữa bài. <i>Củng cố dạng toán hiệu- tỉ, tính diện tích HCN.</i> Bài 4. TBC của 3 số là 250 . Số thứ nhất bằng $\frac{3}{2}$ số thứ hai, số thứ hai bằng $\frac{2}{5}$ số thứ ba .Tìm 3 số đó. -GV yêu cầu HS đọc và phân tích đề. - YC HS trình bày bài giải, sau đó chữa bài. <i>Củng cố dạng toán tổng- tỉ, (dạng bài ẩn tỉ)</i> 3. Củng cố, dặn dò - Nhắc lại cách giải 2 loại toán tìm 2 số khi biết tổng(hiệu) và tỉ số của 2 số đó. - Nhận xét giờ học.	-HS chữa bài trên bảng nhóm. - Nhận xét.. - HS đọc đề bài, phân tích đề toán - Biết tỉ số của chiều rộng và chiều dài là $\frac{2}{5}$. Bài toán dạng hiệu -tỉ (ẩn hiệu). -HS nêu các bước giải +B1: Tìm CD hơn CR lúc đầu. +B2: Tìm hiệu số phần bằng nhau. +B3: Tìm CR mảnh vườn. +B4: Tìm CD mảnh vườn. +B5: Tính diện tích mảnh vườn. - HS tự làm bài, 1 em làm bảng chữa. - HS đọc đề bài, phân tích đề toán. -HS trao đổi nhóm đôi cách giải. -HS nêu kế hoạch giải +B1: Tìm tổng 3 số. +B2: Vẽ sơ đồ . + B3: Tìm số thứ nhất (225) + B3: Tìm số thứ hai(150) + B3: Tìm số thứ ba (375) -1 em lên bảng, cả lớp làm vào vở.
--	--

Thứ 5 ngày 13 tháng 4 năm 2023

Buổi sáng

Tiết 1: **Toán**

ỨNG DỤNG CỦA TỈ LỆ BẢN ĐỒ (TIẾT 1)

I. Mục tiêu

- Bước đầu biết được một số ứng dụng của tỉ lệ bản đồ.
- Rèn kĩ năng giải các loại toán liên quan đến bản đồ
- Yêu thích môn học; phát huy tính sáng tạo của học sinh

Giảm tải: Với các bài tập cần làm, chỉ cần làm ra kết quả, không cần trình bày bày giải.

II. Đồ dùng dạy học:

- Bảng phụ vẽ hình SGK(HD 1)
- Bảng phụ ghi nội dung bài 1.

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ:

- Yêu cầu hs làm bảng: trên bản đồ tỉ lệ 1 : 10 000, quãng đường từ A đến B đo được 1 dm. Độ dài thật của quãng đường A- B
- Nhận xét

B. Bài mới: 1. Giới thiệu bài:

2. Nội dung:

Hoạt động 1: Hướng dẫn hình thành kiến thức

- a) GV giới thiệu 1 bài toán như SGK
- GV giới thiệu bản đồ trường mầm non xó Thắng Lợi theo tỉ lệ 1: 300.
 - GV dùng hệ thống câu hỏi để gợi ý:
 - + Trên bản đồ, độ rộng của cổng trường thu nhỏ là bao nhiêu ?
 - + Bản đồ trường mầm non xã Thắng Lợi vẽ theo tỉ lệ nào?
 - 1cm trên bản đồ ứng với độ dài thật là bao nhiêu cm?
 - 2 cm ứng với độ dài thật là bao nhiêu cm?
 - Vậy độ dài thật của cổng trường là bao nhiêu?
 - Khi biết tỉ lệ bản đồ, độ dài thu nhỏ trên bản đồ muốn tính độ dài thật ta làm thế nào?
 - + *Chốt cách tính độ dài ngoài thực tế = độ dài thu nhỏ nhân với số lần gấp.*

b) Bài toán 2

- Gọi HS đọc và xác định đề bài toán .
- GV hướng dẫn HS dựa vào cách làm BT 1 để tìm độ dài thật của quãng đường HN- HP.
- Vì sao em biết độ dài thật của quãng đường HN - HP là 102km?
- Muốn tính độ dài ngoài thực tế ta làm như thế nào?
- + *Chốt cách tính độ dài ngoài thực tế = độ dài thu nhỏ trên bản đồ nhân với số lần gấp.*

HD 2: Thực hành

- HS lắng nghe và tự nêu lại bài toán
- HS quan sát hình SGK

- HS nêu: 2cm

- Đọc tỉ lệ bản đồ: 1: 300

- 1cm trên bản đồ ứng với độ dài thật trên thực tế là 300cm.
- $2 \times 300 = 600$ cm.

- Là 600cm.

- Lấy độ dài thu nhỏ trên bản đồ nhân với số lần gấp.

- HS đọc, làm bài, nêu kết quả: 102 km.

- Vì cứ 1mm trên bản đồ ứng với 1000000 mm ngoài thực tế nên 102 mm trên bản đồ ứng với 102000000 mm hay 102km ngoài thực tế.

- Lấy độ dài thu nhỏ trên bản đồ nhân với số lần gấp .

Bài 1: (BP) Yêu cầu đọc, xác định đề toán - Yêu cầu HS đọc cột thứ nhất và hỏi: + Hãy đọc tỉ lệ trên bản đồ + Độ dài thu nhỏ trên bản đồ là bao nhiêu? + Vậy độ dài thật là bao nhiêu ? + Vậy điền mấy vào ô trống thứ nhất - Yêu cầu HS làm tương tự với các ô còn lại, gọi 1 HS chữa bài trước lớp . <i>Chốt cách tính độ dài thật dựa vào độ dài thu nhỏ và tỉ lệ bản đồ.</i>	- YC tính độ dài thật khi biết tỉ lệ bản đồ và độ dài thu nhỏ. - 1 HS đọc, lớp theo dõi - Tỉ lệ: 1 : 500.000 - Là 2 cm - $2 \text{ cm} \times 500\,000 = 10\,000\,000 \text{ cm}$ - Điền 1.000.000 - 1 HS làm trên bảng phụ. HS lớp làm bài và chữa bài
Bài 2: 1 HS đọc đề bài - Yêu cầu HS tự làm bài - GV chữa bài và nhận xét bài của HS <i>Chốt cách tính độ dài thật dựa vào độ dài thu nhỏ và tỉ lệ bản đồ.</i>	- 1 HS đọc, lớp theo dõi - HS nêu cách làm bài. - 1 HS lên bảng làm, lớp làm bài vào vở bài tập (không cần trình bày bài giải)
Bài 3: -Gọi hs đọc đề bài - Gọi 1 hs lên bảng giải, cả lớp làm vào vở <i>Chốt cách tính độ dài thật dựa vào độ dài thu nhỏ và tỉ lệ bản đồ</i>	- 1hs đọc đề bài - Tự làm bài, nêu cách làm...

3. Củng cố - dặn dò:

- Muốn tính độ dài thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ làm thế nào?
- GV nhận xét tiết học.
- Dặn HS tự thực hành làm các bài tập và xem trước nội dung bài sau: *Ứng dụng bản đồ*

Tiết 2: **Tập làm văn**
LUYỆN TẬP QUAN SÁT CON VẬT

I. Mục tiêu:

- Nêu được nhận xét về cách quan sát và miêu tả con vật qua bài văn *Đàn ngan mới nở*.
- Bước đầu biết cách quan sát một con vật để chọn lọc các chi tiết nổi bật về ngoại hình, hoạt động và tìm từ ngữ để miêu tả con vật đó .
- Giáo dục học sinh yêu quý, có ý thức chăm sóc vật nuôi trong nhà.

II. Đồ dùng dạy học:

- Tranh minh họa bài tập đọc (BT2)
- Một tờ giấy khổ to (BT4)
- Bảng phụ (BT3)

III. Các hoạt động dạy học :

A. Kiểm tra bài cũ

- Gọi 2 hs nêu câu tạo bài văn miêu tả con vật.
- Nhận xét, tuyên dương HS

B. Bài mới: 1. *Giới thiệu bài:*

2. *Nội dung:* *Hướng dẫn học sinh luyện tập*

Bài 1:

- Gọi hs đọc bài văn *Đàn ngan mới nở* | - 2 hs đọc lớp đọc thầm

trong SGK

Bài 2:

- + Để miêu tả đàn ngan, tác giả đã quan sát những bộ phận nào của chúng?
- + Những câu văn nào tả đàn ngan em cho là hay?

- Giải thích vì sao em cho là hay hoặc trong câu văn đó tác giả đó sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

- Yêu cầu hs ghi lại những câu văn ấy

Chốt: Để miêu tả con vật sinh động, giúp người đọc có thể hình dung ra con vật như thế nào, cần quan sát thật kỹ hình dáng, một số bộ phận nổi bật của chúng. Biết liên tưởng đến các con vật, sự vật khác để so sánh.

Bài 3:

- Gọi hs đọc yêu cầu bài tập
- Khi tả ngoại hình con mèo, em cần tả những bộ phận nào?
- Yêu cầu hs ghi kết quả quan sát vào VBT

- Hình dáng, bộ lông, đôi mắt, cái mỏ, cái đầu, hai cái chân

- HS nêu:

+ Hình dáng: chỉ to hơn cái trứng một tí

+ Bộ lông: vàng óng, như màu của những con tơ nõn...

+ Đôi mắt: chỉ bằng hạt cườm, đen nhánh hạt huyền, long lanh đưa đi đưa lại như có nước.

+ Cái mỏ: màu nhung hươu, vừa bằng ngón tay đứa bé mới đẻ và có lẽ cũng mềm như thế, ngắn ngắn.

+ Cái đầu: xinh xinh, vàng mượt

+ Hai cái chân: lùn chùn, bé tí màu đỏ hồng

- VD em thích câu “Đôi mắt chỉ bằng hạt cườm, đen nhánhbóng mờ”. Vì tác giả dùng hình so sánh để miêu tả đôi mắt của con ngan con làm cho đôi mắt ấy trở nên đẹp hơn, đáng yêu hơn.

-Thân, lông, đầu, mũi, miệng....

- Gọi 1 hs đọc GV ghi bảng phụ

Các bộ phận

Từ ngữ miêu tả con mèo

Từ ngữ miêu tả con chó

- Bộ lông

- Hung hung vằn đen, màu vàng nhạt, đen như gỗ mun, tam thể, nhị thể, ...

- toàn thân màu đen, màu xám, lông vàng mượt, ...

- Cái đầu

- tròn tròn như quả cam sành, tròn như quả bóng, ...

- trông như yên xe đạp

- Hai tai

- dong dong, dựng đứng, rất thính nhạy, hai tai hình tam giác nhỏ luôn vểnh lên,...

- tai to, mỏng, luôn cúp về phía trước, rất thính, hai tai như hai cái lá mít nhỏ dựng đứng

- Đôi mắt

- tròn như hai hòn bi ve, 2 hạt nhãn, long lanh luôn đưa đi đưa lại,....

- trong xanh như nước

- Bộ ria

- trắng như cước, luôn vểnh lên, bộ

biển, mắt đen pha nâu,...

- Bốn chân - Cái đuôi	- ria đen như màu lông, cứng như thép,.. - thon nhỏ, bước đi êm, nhẹ như lướt trên mặt đất, móng sắc nhọn,.. - dài thướt tha, duyên dáng, luôn ngoe nguẩy ...	- râu ngắn, cứng quanh mép,.. - chân cao, gầy với những cái móng đen, cong khoằm lại,.. - đuôi dài, cong như cây phát trần luôn phe phẩy
- Nhận xét, khen ngợi những hs biết dùng từ ngữ hình ảnh sinh động để miêu tả. Bài 4: - Gọi hs đọc yêu cầu của bài - Yêu cầu hs làm bài vào vở BT - Gọi hs dán giấy khổ to, chữa bài. Hoạt động của con mèo - luôn quần quýt bên người - nũng nịu dụi đầu vào chân như đòi bế - ăn nhỏ nhẹ, khoan thai, từ ngoài vào trong - bước đi nhẹ nhàng, rón rén - nằm im thín thít, rình chuột - vờn con chuột đến chết mới ăn thịt. - nằm dài sưởi nắng hay lấy tay rửa mặt - Nhận xét khen ngợi hs biết dùng từ ngữ hình ảnh sinh động để miêu tả hoạt động của con vật.		- HS đọc yêu cầu của bài - HS làm bài vào vở BT - 1 HS ghi vào giấy khổ to. - Đọc kết quả quan sát Hoạt động của con chó - mỗi lần có người về là vẫy đuôi mừng rồi rít - nhảy chồm lên em - chạy rất nhanh, hay đuổi gà vịt - đi rón rén, nhẹ nhàng - nằm im, mắt lim dim giả vờ ngủ - ăn nhanh, vừa ăn vừa gặm gù như sợ mất
3. Củng cố, dặn dò: - Khi quan sát con vật cần quan sát những gì? - Nhận xét tiết học - Nhắc học sinh ôn tập và dựa vào kết quả quan sát tự viết thành đoạn văn miêu tả con vật chuẩn bị cho bài sau.		

Tiết 3: Địa lí THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

I. Mục tiêu

- Nêu được một số đặc điểm chủ yếu của thành phố Đà Nẵng:
- +Vị trí ven biển đồng bằng duyên Hải miền trung .
- +Đà Nẵng là thành phố cảng lớn đầu mối của nhiều tuyến đường giao thông .
- +Đà Nẵng là trung tâm công nghiệp địa điểm du lịch .
- Chỉ được thành phố Đà Nẵng trên bản đồ (lược đồ)
- GD HS yêu thiên, đất nước con người Việt Nam.

II. Chuẩn bị

- Bản đồ hành chính VN.
- Một số ảnh về TP Đà Nẵng.

III. Hoạt động trên lớp

A. Bài cũ

+Vì sao Huế được gọi là TP du lịch.

+Nêu nội dung bài học

GV nhận xét, tuyên dương HS.

B. Bài mới

1. Giới thiệu bài:

2. Phát triển bài

-GV yêu cầu HS quan sát lược đồ hình 1 của bài 24 và nêu tên TP ở phía nam của đèo Hải Vân

HD 1. Đà Nẵng- TP cảng

-GV yêu cầu từng HS quan sát lược đồ và nêu:

+Đà Nẵng nằm ở vị trí nào?

+Giải thích vì sao Đà Nẵng là đầu mối giao thông lớn ở duyên hải miền Trung?

-GV yêu cầu HS quan sát hình 1 của bài để nêu các đầu mối giao thông có ở Đà Nẵng.

GV chốt: *Đà Nẵng là đầu mối giao thông lớn ở duyên hải miền Trung vì TP là nơi đến và nơi xuất phát của nhiều tuyến đường giao thông: đường sắt, bộ, thủy, hàng không.*

HD2: Đà Nẵng- Trung tâm công nghiệp

-GV cho các nhóm dựa vào bảng kê tên các mặt hàng chuyên chở bằng đường biển để trả lời câu hỏi sau:

+Em hãy kể tên một số loại hàng hóa được đưa đến Đà Nẵng và hàng từ Đà Nẵng đưa đi các nơi khác bằng tàu biển.

-GV giải thích: Hàng từ nơi khác được đưa đến ĐN chủ yếu là sản phẩm của ngành công nghiệp và hàng do ĐN làm ra được chở đi các địa phương trong cả nước hoặc xuất khẩu ra nước ngoài chủ yếu là nguyên vật liệu, chế biến thủy hải sản.

HD 3. Đà Nẵng- địa điểm du lịch

-Cho HS đọc đoạn văn trong SGK để bổ sung thêm một số địa điểm du lịch khác như Ngũ Hành Sơn, Bảo tàng Chăm. HS kể thêm những địa điểm khác mà HS biết.

GV mở rộng : ĐN nằm trên bờ biển có cảnh đẹp, có nhiều bãi tắm thuận lợi cho du khách nghỉ ngơi. Do ĐN là đầu mối giao thông thuận tiện cho việc đi lại của du khách có Bảo tàng Chăm, nơi du khách có thể đến tham quan, tìm hiểu về đời sống văn hóa của người

-HS trả lời.

-Cả lớp nhận xét, bổ sung.

- Cả lớp quan sát , trả lời .

-Hs Hoạt động nhóm quan sát và trả lời.

+Ở phía nam đèo Hải Vân, bên sông Hàn và vịnh ĐN .

+Đà Nẵng có cảng biển Sa Tiên , cảng sông Hàn gần nhau .

-HS quan sát và nêu.

- Hoạt động nhóm

-HS cả lớp .

-Hoạt động cá nhân

-HS tìm.

-2 HS đọc .

Chăm.

3. Củng cố, dặn dò

- HS đọc bài trong khung.
- Cho HS lên chỉ vị trí TP ĐN trên bản đồ và nhắc lại vị trí này.
- Giải thích lí do ĐN vừa là TP cảng, vừa là TP du lịch.
- Về xem lại bài và chuẩn bị bài: “*Biển, đảo và quần đảo*”.
- Nhận xét tiết học.

Tiết 4: Thể dục (GVC)**Buổi chiều:**Tiết 1: **Tin học**Tiết 2: **Tiếng Anh**Tiết 3: **Toán****ỨNG DỤNG CỦA TỈ LỆ BẢN ĐỒ (TIẾT 2)****I. Mục tiêu :**

- Biết được một số ứng dụng của tỉ lệ bản đồ.
 - Giáo dục học sinh yêu thích môn học; phát huy khả năng sáng tạo của học sinh.
- Giảm tải: Với các bài tập cần làm, chỉ cần làm ra kết quả, không cần trình bày bày giải.*

II. Đồ dùng dạy học :

- BP cho bài tập 1

III. Các hoạt động dạy học :**A. Kiểm tra:**

- YC HS nêu kết quả bài 2 tiết trước.
- Muốn tính độ dài ngoài thực tế làm thế nào?
- Nhận xét, đánh giá.

B. Bài mới

1. Giới thiệu bài: GV Nêu MĐYC của tiết học

2. Nội dung:

a) Giới thiệu bài toán 1 SGK.

- GV cho HS tự tìm hiểu đề toán
- + Khoảng cách giữa hai điểm A và B trên sân trường là bao nhiêu mét?
- + Trên bản đồ có tỉ lệ nào ?
- + Phải tính độ dài nào ? Theo đơn vị nào ?

- Làm thế nào để tính được?

- GV ghi bài giải .

- YC HS so sánh BT này so với bài tập 2

- 1 HS nêu.
- HS nêu.....

- HS tự tìm hiểu đề toán .
- Khoảng cách 2 điểm A và B là 20m.

- Tỉ lệ 1 : 500
- Tính khoảng cách 2 điểm A và B trên bản đồ theo đơn vị đo xăng-ti-mét.
- Đổi độ dài thật ra xăng-ti-mét:
20m = 2000cm
- HS đọc bài giải trên bảng.
- BT 2 phần KTBC yêu cầu tính độ dài ngoài thực tế còn BT

- Biết độ dài thật, biết tỉ lệ bản đồ, muốn tính độ dài thu nhỏ trên bản đồ làm thế nào?
- GV lưu ý HS về đơn vị đo.
- b). Giới thiệu bài toán 2
- Bài toán cho biết gì?

- Bài toán hỏi gì?

- YC HS tính quãng đường thu nhỏ trên bản đồ.

- Hãy giải thích cách tính của em.

- Biết độ dài thật, biết tỉ lệ bản đồ, muốn tính độ dài thu nhỏ trên bản đồ làm thế nào?

- Khi thực hiện các phép tính với số đo đại lượng em cần chú ý điều gì?

Chốt cách tính độ dài trên bản đồ biết độ dài thật và tỉ lệ

4. Thực hành

Bài 1 : (BP)

- Yêu cầu HS tính được độ dài thu nhỏ trên bản đồ theo độ dài thật và tỉ lệ bản đồ đó cho rồi viết kết quả vào ô trống tương ứng .

Lưu ý : Phải đổi số đo của độ dài thật ra đơn vị đo cùng đơn vị đo của độ dài trên bản đồ tương ứng , tính nhẩm ra kết quả --> điền kết quả vào chỗ chấm.

Bài 2:

- GV HD HS thực hiện theo yêu cầu bài tập
+ Lưu ý HS chỉ cần đưa ra kết quả, không cần trình bày bài giải

- GV nhận xét , chữa bài

Chốt cách tính độ dài thu nhỏ dựa vào độ dài thật và tỉ lệ bản đồ.

3. Củng cố - dặn dò :

- Biết độ dài thật, biết tỉ lệ bản đồ, muốn tính độ dài thu nhỏ trên bản đồ làm thế nào?
- Khi thực hiện các phép tính với số đo đại lượng em cần chú ý điều gì?
- GV nhận xét tiết học.

- Dặn HS chuẩn bị bài sau : *Thực hành.*

này yêu cầu tính độ dài thu nhỏ trên bản đồ.

- Lấy độ dài thật trên thực tế chia cho số lần gấp.

- HS đọc bài toán 2 SGK.

- Quãng đường HN-Sơn Tây là 41km. Tỉ lệ bản đồ là 1: 1 000 000.

- Quãng đường HN-Sơn Tây thu nhỏ trên bản đồ là bao nhiêu mm?

- HS tính và nêu: 41mm.

- Đổi 41km = 41 000 000mm

Lấy 41 000 000:1000 000 = 41 (mm)

- HS nhắc lại cách tính.

- Các số đo phải cùng một đơn vị đo.

- 1 HS đọc y/c BT, lớp đọc thầm.

- HS làm bài. 1 HS làm bài trên bảng phụ.

- HS gắn bảng đọc, chữa bài.

- KKHS giải thích cách làm.

- HS tự tìm hiểu đề toán

- HS nêu cách làm

- Lớp tự làm. 1 HS lên bảng làm bài

- So sánh bài làm của mình, nhận xét.

Buổi sángTiết 1: **Toán**
THỰC HÀNH**I. Mục tiêu:**

- Tập đo độ dài đoạn thẳng trong thực tế, tập ước lượng.
- HS biết đo độ dài đoạn thẳng bằng thước dây, bước chân.
- GD HS tính cẩn thận, tự giác trong học tập.

*Dạy trải nghiệm

II. Đồ dùng dạy học: Chuẩn bị theo nhóm

- Thước dây cuộn hoặc đoạn dây dài có ghi đánh dấu từng mét.

III. Hoạt động dạy học:**A. Kiểm tra bài cũ:**

- Kiểm tra dụng cụ thực hành của các nhóm

-Nhóm trưởng KT báo cáo

B. Bài mới:**1. Giới thiệu bài:**

- Lắng nghe giới thiệu bài.

2. Nội dung**HD 1. Giới thiệu cách đo độ dài đoạn AB trên mặt đất:**

- Hướng dẫn HS cách đo độ dài trên mặt đất như SGK:
- Độ dài thật khoảng cách (đoạn AB) trên sân trường ta thực hiện như sau:
- + Cố định đầu dây tại điểm A sao cho vạch 0 của thước trùng với điểm A.
- + Ta kéo thẳng dây thước cho đến điểm B.
- + Đọc số đo ở vạch trùng với điểm B. Số đo đó chính là độ dài đoạn thẳng AB.

- HS quan sát nghe GV hướng dẫn.

- Thực hành đo độ dài đoạn thẳng AB.

HD 2. Giới thiệu cách gióng cọc tiêu thẳng hàng các cọc tiêu trên mặt đất.

- Cho HS quan sát tranh minh họa SGK.
- Hướng dẫn HS gióng cọc tiêu.

- Đọc k/quả độ dài đoạn AB trên thước.

HD 3. Thực hành:**1. Thực hành đo độ dài của lớp học, bàn GV và bàn học sinh, bảng lớp.**

- HS làm việc theo nhóm.
- Giao việc cho từng nhóm:
- Nhóm 1: Đo chiều dài, chiều rộng phòng học.
- Nhóm 2: Đo chiều dài, chiều rộng bảng lớp.
- Nhóm 3: Đo chiều dài, chiều rộng bàn GV.
- Nhóm 4: Đo chiều dài, chiều rộng bàn HS.

- HS quan sát nghe GV hướng dẫn.
- Từng nhóm 2 HS lên thực hành dùng cọc tiêu gióng thẳng hàng trên mặt đất.
- Lắng nghe GV hướng dẫn.
- HS tiến hành chia nhóm và thực hiện nhiệm vụ của nhóm.
- Cử thư kí ghi kết quả về độ dài của mỗi kích thước vào giấy.

- Nhận xét kết quả đo của HS.

2. Thực hành đo bước chân .

- Hướng dẫn HS bước đi trên nền lớp học.
+B1: Dùng kí hiệu làm dấu chỗ xuất phát và chỗ đích đến.

+B2 : Ước lượng độ dài của đoạn vừa bước.

+B3: Dùng thước dây đo lại và so sánh với kết quả ước lượng.

- Cử đại diện đọc kết quả đo.

- Lắng nghe GV hướng dẫn.

- Lần lượt từng HS lên trải nghiệm.

Bước 5 bước trên nền lớp học.

- Nêu kết quả ước lượng.

- Dùng thước kiểm tra lại và đọc kết quả so sánh với kết quả ước lượng.

- Nhận xét bài bạn.

3. Củng cố - dặn dò:

- Nhận xét đánh giá tiết học.

- Về nhà học bài và thực hành đo chiều dài, chiều rộng nhà ở, sân....

Tiết 2: Luyện từ và câu CÂU CẢM

I. Mục tiêu:

- Nắm được cấu tạo và tác dụng của câu cảm.

- Biết chuyển câu kể đã cho thành câu cảm(BT1), bước đầu đặt được câu cảm theo tình huống cho trước(BT2); nêu được cảm xúc được bộc lộ qua câu cảm(BT3)

- Giáo dục hs yêu thích môn học, phát huy khả năng học tập bồi dưỡng kĩ năng viết văn cho học sinh

II. Đồ dùng dạy học :

- GV: Phấn màu

- ăng nhóm BT1

III. Các hoạt động dạy học :

A. Kiểm tra bài cũ : MRVT: Du lịch-Thám hiểm

- Gọi hs làm lại bài tập 3: Gọi 2 hs đọc đoạn văn viết về du lịch thám hiểm

- Nhận xét

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

B. Bài mới : 1. Giới thiệu bài

2. Nội dung :

Hoạt động 1 : Phần nhận xét

Bài 1, 2, 3:

- Gọi hs đọc yêu cầu bài tập 1

+ Hai câu văn đó dùng làm gì?

+ Cuối các câu đó có dấu gì? Có từ gì?

- Gọi hs lần lượt nêu.

+ "Chà, con mèo có bộ lông mới đẹp làm sao!"

dùng để thể hiện cảm xúc ngạc nhiên, vui

- 1 hs đọc yêu cầu

+ Thể hiện cảm xúc ngạc nhiên, vui mừng trước vẻ đẹp của bộ lông mèo

- Thể hiện cảm xúc thán phục sự khôn ngoan của con mèo.

+ Dấu chấm than, chà, sao, a

mừng trước vẻ đẹp của bộ lông mèo.

+ "A! con mèo này khôn thật!" dùng để thể hiện cảm xúc ngạc nhiên, vui mừng trước vẻ đẹp của bộ lông mèo.

- Thế nào là câu cảm? Lấy VD về câu cảm.

- GV nhận xét kết luận:

Câu cảm là câu dùng để bộc lộ cảm xúc: vui mừng, thán phục, đau xót, ngạc nhiên... của người nói. Trong câu cảm thường có các từ ngữ: ôi, chao, chà, trời, quá, lắm, thật... khi viết cuối câu cảm thường có dấu chấm than.

- HS nêu và lấy VD về câu cảm.

Hoạt động 2 : Ghi nhớ

- Gọi hs đọc ghi nhớ

- Yêu cầu hs đặt câu cảm minh họa cho ghi nhớ.

- Nhận xét, khen ngợi hs hiểu bài có câu hay

- 2 hs đọc, lớp đọc thầm

- HS đặt câu theo yêu cầu

Hoạt động 2 : Luyện tập

Bài 1:

- Gọi hs đọc yêu cầu bài tập

- Yêu cầu hs tự làm bài

- Gọi hs nhận xét câu bạn đặt trên bảng

- Gọi hs khác nói cách đặt câu

- GV đánh giá, kết luận lời giải đúng.

- 1 hs đọc yêu cầu

- HS làm bài cá nhân

- HS nhận xét

- HS dưới lớp nêu câu của mình

- 2HS làm chuyển câu kể thành nhiều câu cảm ra bảng nhóm

- HS khác nhận xét

Câu kể

a) Con mèo này bắt chuột giỏi.

b) Trời rét.

c) Bạn Ngân chăm chỉ.

d) Bạn Giang học giỏi.

Chốt: Cách chuyển câu kể thành câu cảm, trong câu có một số từ: Ôi, chà, ôi chao, quá,

Câu cảm

→ Chà (ôi...), con mèo này bắt chuột giỏi quá!

→ Ôi (ôi chao), trời rét quá!

→ Bạn Ngân chăm chỉ quá!

→ Chà, bạn Giang học giỏi ghê!

Bài 2:

- Gọi hs đọc yêu cầu

- Yêu cầu hs làm việc cá nhân VBT

- Gọi hs trình bày bài. GV ghi nhanh các câu cảm trên bảng.

- Nhận xét bài làm của học sinh

Chốt: đặt câu cảm theo tình huống cho trước

- HS suy nghĩ làm bài vào VBT.

- HS báo cáo kết quả làm bài.

KKHS làm nhanh đặt được 2 câu cảm trong mỗi tình huống.

- Lớp nhận xét

Câu a: Trời, cậu giỏi quá!

Câu b: Trời ơi, lâu quá rồi mới gặp cậu!

Bài 3:

- Gọi hs nêu yêu cầu bài tập

- Yêu cầu hs làm bài cá nhân

- Gọi hs phát biểu, hs khác nhận xét.

- GV nhắc HS: Cần nói cảm xúc bộc lộ trong

- HS đọc yêu cầu BT.

- HS thảo luận nhóm 2 làm bài.

- Một số nhóm nêu kết quả:

Câu a: Cảm xúc mừng rỡ.

mỗi câu cảm. Có thể nêu thêm tình huống nói những câu đó.

- a) Ôi, bạn Nam đến kìa!
- b) Ồ, bạn Nam thông minh quá!
- c) Trời, thật là kinh khủng!

Chốt: nêu được cảm xúc bộc lộ qua câu cảm

Câu b: Cảm xúc thán phục.

Câu c: Bộc lộ cảm xúc ghê sợ.

KKHS nêu tình huống nói những câu đó.

3. Củng cố, dặn dò :

- Thế nào là câu cảm ? Cho ví dụ .
- Nhận xét tiết học
- Nhắc học sinh thực hiện theo bài học, sử dụng câu cảm trong viết văn.

Tiết 3: Tập làm văn ĐIỀN VÀO GIẤY TỜ IN SẴN

I. Mục tiêu:

- Biết điền đúng nội dung vào những chỗ trống trong giấy tờ in sẵn: Phiếu khai báo tạm trú, tạm vắng.
- Biết tác dụng của việc khai báo tạm vắng, tạm trú, hiểu được tác dụng của việc khai báo tạm trú, tạm vắng
- Giáo dục HS có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện theo pháp luật.
- GDKNS : Biết được việc khai báo tạm trú tạm vắng là trách nhiệm công dân.

II. Đồ dùng dạy - học :

- Chuẩn bị phiếu khai báo tạm trú, tạm vắng viết sẵn vào giấy khổ to(BT1)

III. Các hoạt động dạy - học

A. Kiểm tra bài cũ :

- Gọi hs đọc lại đoạn văn tả ngoại hình con mèo (hoặc con chó) đã viết BT3, hs đọc đoạn văn tả hoạt động của con mèo (hoặc cho chó) đã viết ở BT4
- Nhận xét, tuyên dương HS.

B. Bài mới

Bài tập 1: Gọi hs đọc yêu cầu và nội dung của phiếu

- Dán giấy khổ to chép mẫu phiếu khai báo tạm trú, tạm vắng lên bảng, giải thích từ ngữ viết tắt : CMND (chứng minh nhân dân)
- Gợi ý: BT này đặt trong 1 tình huống là em và mẹ đến chơi nhà một bà con ở tỉnh khác. Vì vậy:

- + Ở mục Địa chỉ, em phải ghi địa chỉ của người họ hàng.
- + Ở mục Họ và tên chủ hộ, em phải ghi tên chủ nhà nơi mẹ con em đến chơi.
- + Ở mục 1. Họ và tên, em phải ghi họ, tên của mẹ em.
- + Ở mục 6. Ở đâu đến hoặc đi đâu, em khai nơi mẹ con em ở đâu đến (không khai đi đâu, vì hai mẹ con khai tạm trú, không khai

Địa chỉ

Họ và tên chủ hộ

Khu... TT Thanh Hà-Hải Dương

Điểm khai báo tạm trú tạm vắng

.....

PHIẾU KHAI BÁO TẠM TRÚ, TẠM VẮNG

1 Họ và tên :.....

2. Sinh ngày : ... tháng ... năm ...

tạm vắng)
 + Ở mục 9. Trẻ em dưới 15 tuổi đi theo, em phải ghi họ, tên của chính em,
 + Ở mục 10. Em điền ngày, tháng, năm.
 + Mục Cán bộ đăng kí là mục dành cho cán bộ (công an) quản lí khu vực tự kí và viết họ, tên. Cạnh đó là mục dành cho Chủ hộ (người hộ hàng của em) kí và viết họ tên.
 - YC hs tự điền nội dung vào phiếu
 - Gọi hs nối tiếp nhau đọc tờ khai
 - Cùng hs nhận xét

Bài 2: Gọi hs đọc yc
 - Điền xong, em đưa cho mẹ. Mẹ hỏi: “Con có biết tại sao phải khai báo tạm trú, tạm vắng không?”. Em trả lời mẹ thế nào?

3 . Nghề nghiệp và nơi làm việc :

 4. CMND số :
 5. Tạm trú tạm vắng từ ngày :

 6. Ở đâu đến hoặc đi đâu :

 7. Lí do :
 8 . Quan hệ với chủ hộ :
 9 . Trẻ em dưới 15 tuổi đi theo :

 10 Ngày .. tháng ... năm.....
 Cán bộ đăng kí
 Chủ hộ
 (Kí , ghi rõ họ , tên) (hoặc
 người trình báo)

- Tự điền vào phiếu
 - Nối tiếp đọc tờ khai
 - Nhận xét
 - HS đọc to trước lớp
 -HS đọc yêu cầu bài tập
 - HS nêu phần giải thích: Phải khai báo tạm trú tạm vắng để chính quyền địa phương quản lí được những người đang có mặt hoặc vắng mặt.

- GV nhận xét, chốt : Khi đi khỏi nhà mình qua đêm, mọi người cần khai báo để xin tạm vắng và đến nơi mình ở lại qua đêm để xin tạm trú. Đây là thủ tục về quản lí hộ khẩu mà mọi người cần tuân theo để chính quyền địa phương quản lí được những người có mặt hoặc vắng mặt tại nơi ở. Việc làm này có lợi cho bản thân và XH. Khi có việc xảy ra, các cơ quan Nhà nước có căn cứ, cơ sở để điều tra xem xét.

3. Củng cố - dặn dò:

- Nhận xét tiết học.
 - Dặn HS về nhà ghi nhớ cách điền vào Phiếu khai báo tạm trú, tạm vắng và ghi lại kết quả quan sát các bộ phận của con vật mà em yêu thích chuẩn bị bài sau.

Tiết 4: Khoa học NHU CẦU KHÔNG KHÍ CỦA THỰC VẬT

I.Mục tiêu

- Biết mỗi loài thực vật, mỗi giai đoạn phát triển của thực vật có nhu cầu về không khí khác nhau. HS nêu được một vài ứng dụng trong trồng trọt về nhu cầu không khí của thực vật.

- Rèn kĩ năng quan sát, thực hành cho học sinh
 - HS biết áp dụng những điều đã học vào thực tế cuộc sống.
- GDHS ý thức bảo vệ môi trường không khí.

II. Đồ dùng dạy học

- Hình minh hoạ trang 120, 121 SGK.
- GV mang đến lớp cây số 2 ở bài 57.

III. Các hoạt động dạy học

A. Bài cũ

- Gọi HS lên trả lời câu hỏi:
- + Tại sao khi trồng người ta phải bón thêm phân cho cây ?
- + Thực vật cần các loại khoáng chất nào? Nhu cầu về mỗi loại khoáng chất của thực vật giống nhau không ?
- Nhận xét, tuyên dương HS

B. Bài mới

1) Giới thiệu bài:

Hoạt động 1: ***Vai trò của không khí trong quá trình trao đổi khí của thực vật***

- + Không khí gồm những thành phần nào ?
- + Những khí nào quan trọng đối với thực vật ?
- Yêu cầu: Quan sát hình minh hoạ trang 120, 121, SGK và trả lời câu hỏi.
- 3.1 Quá trình quang hợp chỉ diễn ra trong điều kiện nào ?
- 3.2 Bộ phận nào của cây chủ yếu thực hiện quá trình quang hợp
- 3.3 Trong quá trình quang hợp, thực vật hút khí gì và thải ra khí gì ?
- 3.4 Quá trình hô hấp diễn ra khi nào ?
- 3.5 Bộ phận nào của cây chủ yếu thực hiện quá trình hô hấp ?
- 3.6 Trong quá trình hô hấp, thực vật hút khí gì và thải ra khí gì ?
- 3.7 Điều gì sẽ xảy ra nếu một trong hai quá trình trên ngừng hoạt động ?

- Gọi HS trình bày.
- Theo dõi, nhận xét, khen ngợi những HS hiểu bài, trình bày mạch lạc, khoa học.

- 3 HS trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

- Trao đổi theo cặp và trả lời câu hỏi.
+ Không khí gồm hai thành phần chính là khí ô-xi và khí ni-tơ. Ngoài ra, trong không khí còn chứa khí các-bô-níc.

+ Khí ô-xi và khí các-bô-níc rất quan trọng đối với thực vật.

- HS quan sát hình

+ Khi có ánh sáng Mặt Trời.

+ Lá cây là bộ phận chủ yếu.

+ Hút khí các-bô-níc và thải ra khí ô-xi.

+ Diễn ra suốt ngày và đêm.

+ Lá cây là bộ phận chủ yếu.

+ Thực vật hút khí ô-xi, thải ra khí các –bô-níc và hơi nước.

+ Nếu quá trình quang hợp hay hô hấp của thực vật ngừng hoạt động thì thực vật sẽ chết.

- 4 HS lên bảng vừa trình bày vừa chỉ vào tranh minh hoạ cho từng quá trình trao đổi khí trong quang hợp,

+Không khí có vai trò như thế nào đối với thực vật ?

+Những thành phần nào của không khí cần cho đời sống của thực vật ? Chúng có vai trò gì ?

Chốt: Thực vật cần không khí để quang hợp và hô hấp. Cây dù được cung cấp đủ nước, chất khoáng và ánh sáng nhưng thiếu không khí thì cây cũng không sống được. Khí ô-xi là nguyên liệu chính được sử dụng trong hô hấp, sản sinh ra năng lượng trong quá trình trao đổi chất của thực vật.

Hoạt động 2: Ứng dụng nhu cầu không khí của thực vật trong trồng trọt

+Thực vật “ăn” gì để sống ? Nhờ đâu thực vật thực hiện được việc “ăn” để duy trì sự sống ?

+Em hãy cho biết trong trồng trọt con người đã ứng dụng nhu cầu về khí các-bô-níc, khí ô-xi của thực vật như thế nào ?

-Yêu cầu HS đọc mục Bạn cần biết trang 121, SGK.

3. Củng cố, dặn dò

+ Tại sao ban ngày khi đứng dưới tán lá của cây ta thấy mát mẻ ?

+ Tại sao vào ban đêm ta không để nhiều hoa, cây cảnh trong phòng ngủ ?

+ Lượng khí các-bô-níc trong thành phố đông dân, khu công nghiệp nhiều hơn mức cho phép ? Giải pháp nào có hiệu quả nhất cho vấn đề này ?

-Về vẽ lại sơ đồ sự trao đổi khí ở thực vật.

hô hấp.

+Không khí giúp cho thực vật quang hợp và hô hấp.

+Khí ô-xi có trong không khí cần cho quá trình hô hấp của thực vật. Khí các-bô-níc có trong không khí cần cho quá trình quang hợp của thực vật. Nếu thiếu khí ô-xi hoặc các-bô-níc thực vật sẽ chết.

-Lắng nghe.

-Suy nghĩ, trao đổi theo cặp và trả lời câu +Muốn cho cây trồng đạt năng suất cao hơn thì tăng lượng khí các-bô-níc lên gấp đôi.

+Bón phân xanh, phân chuồng cho cây vì khi các loại phân này phân huỷ thải ra nhiều khí các-bô-níc.

+Trồng nhiều cây xanh để điều hoà không khí, tạo ra nhiều khí ô-xi giúp bầu không khí trong lành cho người và động vật hô hấp.-2 HS đọc thành tiếng.

+Vì lúc ấy dưới ánh sáng Mặt Trời cây đang thực hiện quá trình quang hợp. Lượng khí ô-xi và hơi nước từ lá cây thoát ra làm cho không khí mát mẻ.

+Vì lúc ấy cây đang thực hiện quá trình hô hấp, cây sẽ hút hết lượng khí ô-xi có trong phòng và thải ra nhiều khí các-bô-níc làm cho không khí ngột ngạt và ta sẽ bị mệt.

+Để đảm bảo sức khỏe cho con người và động vật thì giải pháp có hiệu quả nhất là trồng cây xanh.

Buổi chiều:

Tiết 1: **Tiếng Việt***
LUYỆN TẬP : CÂU CẢM

I. Mục tiêu:

- củng cố cho HS tác dụng của câu cảm, cách đặt câu cảm.
- Rèn kĩ năng nhận biết câu cảm, đặt câu.
- HS có ý thức sử dụng câu cảm trong nói và viết.

II. Đồ dùng dạy học: Bảng phụ ghi BT1.**III. Các hoạt động dạy học****1. Củng cố kiến thức**

- Thế nào là câu cảm?
- Trong câu cảm thường có các từ ngữ nào?
- Khi viết cuối câu có dấu gì?
- Lấy ví dụ về câu cảm.
- Nhận xét, chốt kiến thức.

2. Luyện tập

Bài 1: (BP) Gạch dưới các từ thể hiện cảm xúc của người viết trong những câu sau:

- Ồi, em tôi ngã đau quá!
 - Ồ, chị ấy mệt quá!
 - Ồi chao, hồ nước này mới rộng làm sao!
- GV chốt lời giải.

Chốt cấu tạo của câu cảm.

Bài 2: Nói rõ cảm xúc trong mỗi câu cảm sau:

- Ồi, tôi mất hết tiền rồi!
 - Ồ, cái áo kia trông lại quá!
 - Khiếp, con chuột ấy trông bản gớm chết!
- HS còn chậm: GV hướng dẫn.
 - Chốt lời giải đúng

Chốt tác dụng của câu cảm.

Bài 3: Chuyển các câu kể sau thành câu cảm:

- Bông hồng này đẹp.
- Cánh diều bay cao.
- Gió thổi mạnh.
- Em bé bụ bẫm.
- Gọi 4 HS lên bảng làm, mỗi em chuyển 1 câu
- Y.c HS làm vở
- Nhận xét, bổ sung

Chốt cách chuyển câu kể thành câu khiến

Bài 4: Đặt một câu cảm cho mỗi tình huống sau:

- Bộc lộ sự ngạc nhiên của em khi nhìn thấy một

- 2 HS trả lời, lớp nhận xét.
- Câu cảm là câu dùng để bộc lộ cảm xúc (vui mừng, thán phục, đau xót, ngạc nhiên, ...) của người nói.
- *ôi, chao, chà, trời, quá, lắm, thật, ...*
- Dấu chấm than.

- HS đọc y/c BT.
- Tự làm bài, 1 HS làm bảng phụ.
- So sánh, nhận xét bài trên bảng.

Đáp án: a, *ôi, quá*
 b, *ồ, quá*
 c, *ôi chao, làm sao*

- HS nêu y/c BT.
- Trao đổi theo cặp làm bài.
- Vài HS nêu miệng.
- HS khác nhận xét.

Đáp án:
 a, *tiếc* b, *ngạc nhiên* c, *lo sợ*

- Đặt câu cảm và nêu cảm xúc của mình
- 4 HS lên bảng làm
- HS dưới lớp làm vở
- Nhận xét
- KKHS chuyển đ- ọc nhiều câu khác nhau.
- HS tự làm bài vào vở. 2 HS làm bảng lớp.
- HS: mỗi tình huống đặt một câu. HS làm nhanh: mỗi tình

điều lạ.

b, Bộc lộ niềm vui lớn của em khi nghe tin em đoạt giải trong một cuộc thi do trường tổ chức.

- Nhận xét, đánh giá.

Chốt kĩ năng đặt câu cảm.

3. **Củng cố, dặn dò**

- Nhận xét thái độ học tập của HS.

- Nhắc lại ND luyện tập. Nhận xét tiết học.

huống đặt được 2 câu.

- HS nối tiếp đọc câu của mình.

VD: a, *Ồ, cái quạt ấy to thật!*

b, *Ồi, thích quá!*

Tiết 2: **Tiếng Anh**(GVC)

Tiết 1: **Hoạt động tập thể** **SINH HOẠT LỚP**

I. **Yêu cầu cần đạt**

- Kiểm điểm việc thực hiện nề nếp trong tuần.

- Phát huy những ưu điểm, khắc phục những mặt còn tồn tại.

- Đề ra phương hướng hoạt động tuần tới

II. **Nội dung :**

1. **Lớp trưởng báo cáo tình hình hoạt động chung trong tuần.**

2. **GV nhận xét.**

a. ***Ưu điểm***

Cô trò duy trì đều mọi hoạt động.

- hưởng ứng tốt các hoạt động của Đội.

- Ban cán sự lớp hoạt động tích cực.

- Tham gia về sinh trường lớp nhiệt tình.

- Tích cực chăm sóc công trình măng non.

b. ***Tồn tại :***

- chữ viết chưa đẹp, kĩ năng tính của một số em chậm.

- Việc ôn bài, nói chuyện riêng vẫn còn.

- Có nhiều em quên vở, quên đồ dùng học tập.

3. **Phương hướng hoạt động tuần tới**

- Tiếp tục duy trì mọi hoạt động dạy và học.

- Tích cực ôn tập để chuẩn bị kiểm tra cuối năm.

- hưởng ứng thi vẽ tranh do liên đội phát động.

Nhận xét đánh giá của người kiểm tra.

Bài soạn đúng kế hoạch.


Vũ Hùng Thanh